

Số: 8724 /QĐ-UBND

Hà Nội, ngày 19 tháng 12 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết
của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Hà Nội

CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính.

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07/02/2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 15/2015/TT-BNNPTNT ngày 26/3/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, hướng dẫn nhiệm vụ các Chi cục và các tổ chức sự nghiệp trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 282/TTr-SNN ngày 17/11/2017 và ý kiến của Sở Tư pháp tại công văn số 2598/STP-KSTTHC ngày 06/11/2017,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 11 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Hà Nội, bao gồm:

Thủ tục hành chính mới ban hành: 01 thủ tục

Thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung: 10 thủ tục

(có phụ lục kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và sửa đổi Quyết định số 5582/QĐ-UBND ngày 06/10/2016; Quyết định số 6192/QĐ-UBND ngày 09/11/2017; Quyết định số 3580/QĐ-UBND ngày 13/6/2017 của Chủ tịch UBND Thành phố về công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND Thành phố;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- PCT UBND TP Nguyễn Doãn Toàn;
- VPUBTP: Các PCVP P.C.Công, T.V.Dũng;
- Các phòng: NC, KT, TKBT, TH, *TL*
- Trung tâm Tin học Công báo TP;
- Công giao tiếp điện tử Hà Nội;
- Lưu: VT, NC_(B). (60)

47 333

CHỦ TỊCH *ts*



Nguyễn Đức Chung

Phụ lục

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

(Ban hành kèm theo Quyết định số **8724** /QĐ-UBND ngày **19** tháng **12** năm 2017
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)

**Phần I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

A. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành.

STT	Tên thủ tục hành chính	Trang	
Lĩnh vực Bảo vệ thực vật			
1	1	Tiếp nhận công bố hợp quy bơm phun thuốc trừ sâu đeo vai.	5

B. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung.

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung,	Trang
I				
Lĩnh vực lâm nghiệp				
2	1	Thẩm định, phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là tổ chức		9
3	2	Công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp (Gồm công nhận cây trội; lâm phân tuyển chọn; rừng giống chuyên hóa; rừng giống; vườn cây đầu dòng).		11
4	3	Cấp giấy chứng nhận nguồn gốc giống của lô cây con.	Thông tư số 15/2015/TT-BNNPTNT	15
5	4	Cấp giấy chứng nhận nguồn gốc lô giống.		17
6	5	Giao rừng, cho thuê rừng cho tổ chức.		20
7	6	Thẩm định, phê duyệt phương án trồng rừng mới thay thế diện tích rừng chuyển sang sử dụng cho mục đích khác.		23
8	7	Cấp phép khai thác chính, tận dụng, tận thu gỗ rừng trồng trong rừng phòng hộ của tổ chức.		27
9	8	Thẩm định, phê duyệt hồ sơ thiết kế, dự toán công trình lâm sinh/ Điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh (đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định đầu tư.	Thông tư số 15/2015/TT-BNNPTNT .	30

Vub

II		Lĩnh vực trồng trọt		
10	1	Tiếp nhận công bố hợp quy giống cây trồng nhóm 2.	- Nghị định số: 108/2017/NĐ-CP	52
11	2	Tiếp nhận công bố hợp quy phân bón.	CP	57

Handwritten signature

Phần II
NỘI DUNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

A. Thủ tục hành chính mới ban hành.

1. Tên thủ tục: Tiếp nhận công bố hợp quy bơm phun thuốc trừ sâu đeo vai.

Trình tự thực hiện	<ul style="list-style-type: none">- Tổ chức, cá nhân: Nộp hồ sơ công bố hợp quy, nhận giấy hẹn và lấy kết quả khi đến hẹn.- Chi cục Bảo vệ thực vật Hà Nội: Bộ phận một cửa kiểm tra sự phù hợp, tiếp nhận và trả kết quả khi tới hẹn.
Cách thức thực hiện	<ul style="list-style-type: none">- Nộp hồ sơ tại Chi cục Bảo vệ thực vật Hà Nội - Tổ 44, phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy - Hà Nội- Hoặc qua đường Bưu điện
Thành phần Hồ sơ	<p>1. Trường hợp công bố hợp quy dựa trên kết quả chứng nhận hợp quy của tổ chức chứng nhận hợp quy:</p> <ul style="list-style-type: none">- Bản công bố hợp quy theo mẫu quy định tại Phụ lục 13 Thông tư số 55/2012/TT-BNNPTNT, ngày 31/10/2012;- Bản sao có chứng thực hoặc bản chụp kèm bản chính để đối chiếu chứng chỉ chứng nhận sự phù hợp của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, quá trình và môi trường với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng do tổ chức chứng nhận được chỉ định cấp;- Bản mô tả chung về sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, quá trình và môi trường (đặc điểm, tính năng, công dụng); <p>2. Trường hợp công bố hợp quy dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh phân bón:</p> <ul style="list-style-type: none">- Bản công bố hợp quy theo mẫu quy định tại Phụ lục 13 Thông tư số 55/2012/TT-BNNPTNT, ngày 31/10/2012;- Bản mô tả chung về sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, quá trình và môi trường (đặc điểm, tính năng, công dụng);- Kết quả thử nghiệm, hiệu chuẩn (nếu có) tại phòng thử nghiệm được chỉ định;- Quy trình sản xuất và kế hoạch kiểm soát chất lượng được xây dựng và áp dụng theo mẫu quy định tại Phụ lục 14 hoặc bản sao chứng chỉ phù hợp tiêu chuẩn ISO 9001:2008 trong trường hợp tổ chức, cá nhân công bố hợp quy có hệ thống quản lý chất lượng được chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn ISO 9001:2008;- Kế hoạch giám sát định kỳ;- Báo cáo đánh giá hợp quy gồm những nội dung: Đối tượng được chứng nhận hợp quy (số hiệu, tên), tài liệu kỹ thuật sử dụng làm căn cứ để chứng nhận hợp quy, tên và địa chỉ của tổ chức thực hiện đánh giá hợp quy, phương thức đánh giá hợp quy được sử dụng, mô tả quá trình đánh giá hợp quy (lấy mẫu, đánh giá, thời gian đánh giá) và các lý giải cần thiết (ví dụ: lý do lựa chọn phương pháp/ phương thức lấy mẫu/đánh giá) kết quả đánh giá (bao gồm cả độ lệch và mức chấp nhận), thông tin bổ sung khác. <p>3. Số lượng hồ sơ: 01 bộ</p>
Thời hạn	<p>1. Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu:</p>

Vinh

giải quyết	<ul style="list-style-type: none"> - Đối với hồ sơ gửi qua đường bưu điện: Trong vòng 3 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ, Chi cục Bảo vệ thực vật Hà Nội thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân về những điểm, nội dung chưa phù hợp để hoàn thiện hồ sơ; - Đối với hồ sơ được gửi trực tiếp: Bộ phận một cửa kiểm tra, hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ. <p>2. Trường hợp hồ sơ hợp lệ: Thời gian 07 ngày làm việc, Chi cục Bảo vệ thực vật Hà Nội thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân việc tiếp nhận công bố hợp quy.</p>
Đối tượng thực hiện TTHC	<ul style="list-style-type: none"> + Tổ chức; + Cá nhân.
Cơ quan thực hiện TTHC	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội; - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi cục Bảo vệ thực vật Hà Nội;
Kết quả thực hiện TTHC	Thông báo tiếp nhận bản công bố hợp quy
Lệ phí	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai	<ul style="list-style-type: none"> - Bản công bố hợp quy (Phụ lục 13); - Kế hoạch kiểm soát chất lượng (Phụ lục 14); <p>(Phụ lục 13, Phụ lục 14 Thông tư số 55/2012/TT-BNNPTNT).</p>
Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	Không
Căn cứ pháp lý của TTHC	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 55/2012/TT-BNNPTNT, ngày 31/10/2012 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn về Hướng dẫn thủ tục chỉ định tổ chức chứng nhận hợp quy và công bố hợp quy thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Thông tư số 41/2015/TT-BNNPTNT ngày 27/10/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành: “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bơm phun thuốc trừ sâu đeo vai”, ký hiệu QCVN 01-182:2015/BNNPTNT.

Phụ lục 13

(Ban hành kèm theo Thông tư số 55/2012/TT-BNNPTNT ngày 31/10/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

MẪU BẢN CÔNG BỐ HỢP QUY

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN CÔNG BỐ HỢP QUY

Số

Tên tổ chức, cá nhân:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:..... Fax:.....

E-mail:.....

CÔNG BỐ :

Sản phẩm, hàng hoá, quá trình, dịch vụ, môi trường (*tên gọi, kiểu, loại, nhãn hiệu, đặc trưng kỹ thuật, ...*)

Phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật (*số hiệu, ký hiệu, tên gọi*)

Thông tin bổ sung (*căn cứ công bố hợp quy, phương thức đánh giá hợp quy...*):

....., ngày.....tháng.....năm.....

Đại diện Tổ chức, cá nhân
(Ký tên, chức vụ, đóng dấu)

Vinh

Phụ lục 14

(Ban hành kèm theo Thông tư số 55 /2012/TT-BNNPTNT ngày 31/10/ 2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

KẾ HOẠCH KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG

Sản phẩm, hàng hoá, quá trình, dịch vụ, môi trường:.....

Các quá trình sản xuất cụ thể	Kế hoạch kiểm soát chất lượng						
	Các chỉ tiêu kiểm soát	Quy định kỹ thuật	Tần suất lấy mẫu/cỡ mẫu	Thiết bị thử nghiệm/kiểm tra	Phương pháp thử/kiểm tra	Biểu ghi chép	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)

....., ngày..... tháng năm

Đại diện doanh nghiệp
(ký tên, đóng dấu)

Vinh

B. Thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung.

I. Lĩnh vực lâm nghiệp.

1. Tên thủ tục: Thẩm định, phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là tổ chức

Trình tự thực hiện	<p>- Tổ chức: Nộp hồ sơ, nhận phiếu hẹn và lấy kết quả khi đến hẹn</p> <p>- Chi cục Kiểm lâm Hà Nội:</p> <p>+ Tiếp nhận và thẩm định hồ sơ:</p> <p>Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: trong thời gian 03 ngày Chi cục Kiểm lâm thông báo bằng văn bản và gửi lại hồ sơ cho chủ rừng để hoàn thiện.</p> <p>Trường hợp hồ sơ hợp lệ, Chi cục Kiểm lâm thành lập hội đồng thẩm định;</p> <p>+ Phê duyệt phương án:</p> <p>Căn cứ vào ý kiến của Hội đồng thẩm định, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt phương án.</p> <p>- Chủ rừng nhận kết quả tại Chi cục Kiểm lâm Hà Nội.</p>
Cách thức thực hiện	<p><i>Gửi hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu điện tới Chi cục Kiểm lâm Hà Nội;</i></p> <p><i>Địa chỉ: Ba La, phường Phú La, Hà Đông, Hà Nội.</i></p>
Thành phần Hồ sơ	<p>1) Thành phần hồ sơ, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none">- Tờ trình về việc thẩm định, phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững của Chủ rừng là tổ chức (mẫu Phụ lục VI, Thông tư số 38/2014/TT-BNNPTNT);- Bản thuyết minh phương án quản lý rừng bền vững theo Phụ lục II (đối với rừng tự nhiên), Phụ lục III (đối với rừng trồng) của Thông tư số 38/2014/TT-BNNPTNT;- Hệ thống bản đồ;- Bản sao tài liệu, số liệu điều tra thu thập, giải trình ý kiến thẩm định <p>2) Số lượng hồ sơ: 01 bộ</p>
Thời hạn giải quyết	<p>23 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ:</p> <ul style="list-style-type: none">+ Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, nếu hồ sơ không hợp lệ, Chi cục Kiểm lâm thông báo bằng văn bản và gửi lại hồ sơ cho chủ rừng để hoàn thiện;+ Thẩm định: Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, Chi cục Kiểm lâm thẩm định phương án;+ Phê duyệt phương án: 03 ngày phê duyệt phương án cho chủ rừng;
Đối tượng thực hiện TTHC	Chủ rừng là tổ chức.
Cơ quan thực hiện TTHC	<p>1. Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;</p> <p>2. Cơ quan thực hiện: <i>Chi cục Kiểm lâm Hà Nội;</i></p>
Kết quả thực hiện TTHC	Quyết định phê duyệt
Lệ phí	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai	Tờ trình về việc phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững theo Phụ lục VI Thông tư số 38/2014/TT-BNNPTNT .
Yêu cầu, điều	Không

Vinh

kiện thực hiện TTHC	
Căn cứ pháp lý của TTHC	- Điều 10, điều 11 Thông tư số 38/2014/TT-BNNPTNT ngày 03/11/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Thông tư số 15/2015/TT-BNNPTNT ngày 26/3/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, hướng dẫn nhiệm vụ các Chi cục và các tổ chức sự nghiệp trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Ghi chú: “Phần chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung”

Phụ lục VI

*Kèm theo Thông tư số 38/2014/TT-BNNPTNT ngày 03/11/2014
của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*

MẪU TỜ TRÌNH

CQ QUẢN LÝ CẤP TRÊN
TÊN ĐƠN VỊ TRÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TTr-..

Hà Nội, ngày tháng năm

TỜ TRÌNH

Về việc thẩm định phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững

Kính gửi: Chi cục Kiểm lâm Hà Nội

Căn cứ Thông tư số 38/2014/TT-BNNPTNT ngày 03/11/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn về phương án quản lý rừng bền vững, đề nghị Sở Nông nghiệp và PTNT thẩm định phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững với nhưng nội dung sau:

1. Tên chủ rừng
2. Địa chỉ:
3. Mục tiêu phương án:
4. Hiện trạng tài nguyên rừng, đất đai và kết quả sản xuất kinh doanh của chủ rừng.
5. Bố trí quy hoạch sử dụng đất, sử dụng rừng; kế hoạch sản xuất kinh doanh; nhu cầu, nguồn vốn đầu tư; hiệu quả của phương án.
6. Hệ thống giải pháp, phương thức tổ chức thực hiện phương án.

Kính trình quy Sở xem xét thẩm định, phê duyệt phương án./.

Nơi nhận:

Người đại diện chủ rừng
(Ký tên, đóng dấu)

Vinh

2. Tên thủ tục: Công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp (gồm công nhận cây trội; lâm phần tuyển chọn; rừng giống chuyển hóa; rừng giống; vườn cây đầu dòng).

- Trình tự thực hiện	- Tổ chức, cá nhân: Nộp hồ sơ, nhận phiếu hẹn và lấy kết quả khi đến hẹn - <i>Chi cục Kiểm lâm Hà Nội:</i> + Tiếp nhận hồ sơ, thụ lý viết phiếu hẹn + Xem xét thẩm định hồ sơ và kiểm tra hiện trường, trình kết quả + Cấp chứng chỉ công nhận nguồn giống, trả kết quả khi đến hẹn.
- Cách thức thực hiện	<i>Gửi hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu điện tới Chi cục Kiểm lâm Hà Nội; Địa chỉ: Ba La, phường Phú La, Hà Đông, Hà Nội.</i>
- Thành phần Hồ sơ	a) Thành phần hồ sơ, bao gồm: - Đơn đăng ký. - Báo cáo kỹ thuật về nguồn giống. b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ
- Thời hạn giải quyết	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ:
- Đối tượng thực hiện TTHC	- Tổ chức; - Cá nhân.
- Cơ quan thực hiện TTHC	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Cơ quan thực hiện TTHC: <i>Chi cục Kiểm lâm Hà Nội;</i>
- Kết quả của việc thực hiện TTHC	Chứng chỉ
- Lệ phí	- Bình tuyển công nhận cây mẹ, vườn cây đầu dòng: 1.000.000 đồng/lần - Bình tuyển công nhận lâm phần tuyển chọn: 750.000 đồng/lần - Bình tuyển công nhận rừng giống: 3.000.000 đồng/lần
- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	- Đơn đăng ký nguồn giống cây trồng lâm nghiệp (mẫu biểu 05 Quyết định số 89/2005/QĐ-BNN) - Báo cáo kỹ thuật về nguồn giống (Phụ lục 12 Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT)
- Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	Không
- Căn cứ pháp lý của TTHC	- Quyết định số 89/2005/QĐ-BNN ngày 29/12/2005 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc Ban hành Quy chế quản lý giống cây trồng lâm nghiệp. - Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo vệ và phát triển rừng theo Nghị quyết số 57/NQ-CP ngày 15/12/2010; - <i>Thông tư số 15/2015/TT-BNNPTNT ngày 26/3/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, hướng dẫn nhiệm vụ các Chi cục và</i>

Vinh

	<p><i>các tổ chức sự nghiệp trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;</i></p> <p><i>- Nghị quyết số 20/2016/NQ-HĐND ngày 06/12/2016 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội về việc ban hành một số quy định thu phí, lệ phí trên địa bàn thành phố Hà Nội.</i></p> <p><i>- Thông tư số 207/2016 ngày 09/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực trồng trọt và giống cây trồng lâm nghiệp.</i></p>
--	--

Ghi chú: “Phần chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung”

Mẫu biểu số 05 (ban hành kèm theo Quyết định số 89/2005/QĐ-BNN).

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐĂNG KÝ NGUỒN GIỐNG CÂY TRỒNG LÂM NGHIỆP CỦA TỈNH

Kính gửi: Chi cục Kiểm lâm Hà Nội

Căn cứ vào Quy chế quản lý giống cây trồng lâm nghiệp và tiêu chuẩn về các loại hình nguồn giống cây trồng lâm nghiệp đã ban hành, chúng tôi làm đơn này đề nghị Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnhthẩm định và cấp chứng chỉ công nhận các nguồn giống sau đây:

A - Phần dành cho người làm đơn

Tên chủ nguồn giống

(Đơn vị hoặc cá nhân)

Địa chỉ

(Kèm số ĐT/Fax/E-mail nếu có)

Loài cây

Tên khoa học

Tên Việt Nam

Vị trí hành chính và địa lý của

nguồn giống xin công nhận

Tỉnh: ... Huyện: ... Xã: ...

Thuộc lô, khoảnh, tiểu khu, lâm trường:

Vĩ độ: Kinh độ:

Độ cao trên mặt nước biển:

Các thông tin chi tiết về nguồn giống xin công nhận:

Nguồn gốc (rừng tự nhiên/rừng trồng):

Tuổi trung bình hoặc năm trồng:

Nguồn vật liệu giống trồng ban đầu (cây ươm từ hạt, cây ghép, cây giâm hom, cây nuôi cấy mô, xuất xứ, số cây trội được lấy hạt, số dòng vô tính):

Sơ đồ bố trí cây trồng:

Diện tích:

Chiều cao trung bình (m):

Đường kính trung bình ở 1.3m (m):

Đường kính tán cây trung bình (m):

Cự ly trồng ban đầu và mật độ hiện thời (số cây/ha):

Tình hình ra hoa, kết hạt:

Tóm tắt các kết quả khảo nghiệm hoặc trồng thử bằng nguồn giống này (nếu có):

Sơ đồ vị trí nguồn giống (nếu có):

Viết

Loại hình nguồn giống đề nghị được công nhận:

- Lâm phân tuyển chọn
- Rừng giống chuyển hóa
- Rừng giống trồng
- Cây mẹ (cây trội)
- Cây đầu dòng (hoặc Vườn cung cấp hom)

Ngày ... tháng ... năm 20...

Chữ ký của người làm đơn
(Con dấu của đơn vị nếu có)

B - Phần dành cho Chi cục Kiểm lâm Hà Nội

Nhận đơn ngày ... tháng ... năm 20...

Ngày thẩm định tại hiện trường nguồn giống:

Ngày họp Hội đồng thẩm định:

Ngày ... tháng ... năm 200...

Chi cục trưởng
Chi cục Kiểm lâm Hà Nội
(Ký tên)

Phụ lục 12:

(Ban hành kèm theo Thông tư số 25 /2011/TT-BNNPTNT)

BÁO CÁO KỸ THUẬT VỀ NGUỒN GIỐNG

Kính gửi :.....

1. Tên cơ quan, cá nhân đề nghị:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

E-mail:

2. Thông tin về nguồn giống:

+ Nguồn gốc.

+ Tuổi trung bình hoặc năm trồng.

+ Nguồn vật liệu giống ban đầu.

+ Sơ đồ bố trí thí nghiệm; sơ đồ nguồn giống

+ Diện tích trồng.

+ Các chỉ tiêu sinh trưởng: đường kính bình quân, chiều cao bình quân, đường kính tán.

+ Mật độ trồng (Cụ ly trồng); Mật độ hiện tại.

+ Tình hình ra hoa kết quả, kết hạt.

+ Tóm tắt các biện pháp lâm sinh đã áp dụng: xử lý thực bì, bón phân, chăm sóc, tỉa thưa...

3. Kết luận và đề nghị:

Tổ chức, cá nhân báo cáo

(Ký tên và đóng dấu)

3. Tên thủ tục: Cấp giấy chứng nhận nguồn gốc giống của lô cây con.

- Trình tự thực hiện	- Tổ chức, cá nhân: Nộp hồ sơ, nhận phiếu hẹn và lấy kết quả khi đến hẹn - Chi cục Kiểm lâm Hà Nội : + Tiếp nhận hồ sơ, viết phiếu hẹn. + Tiến hành thẩm định qua sổ sách, cơ sở sản xuất (khi cần thiết): số theo dõi vật liệu giống, nguồn gốc và mã số lô giống, phẩm chất kỹ thuật của lô cây con. + Cấp giấy chứng nhận nguồn gốc giống lô cây con và trả kết quả khi đến hẹn
- Cách thức thực hiện	<i>Gửi hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu điện tới Chi cục Kiểm lâm Hà Nội; Địa chỉ: Ba La, phường Phú La, Hà Đông, Hà Nội.</i>
- Thành phần Hồ sơ	a) Thành phần hồ sơ, bao gồm: - Thông báo kết quả sản xuất cây con ở vườn ươm. - Sổ nhật ký vườn ươm. b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ
- Thời hạn giải quyết	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được giấy thông báo kết quả sản xuất cây con của chủ nguồn giống.
- Đối tượng thực hiện TTHC	- Tổ chức; - Cá nhân.
- Cơ quan thực hiện TTHC	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - <i>Cơ quan thực hiện TTHC: Chi cục Kiểm lâm Hà Nội;</i>
- Kết quả của TTHC	- Giấy chứng nhận
- Lệ phí	- 750.000 đồng/lô giống.
- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	Thông báo kết quả sản xuất cây con ở vườn ươm (phụ lục 14 Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT)
- Yêu cầu, điều kiện TTHC	- Không
- Căn cứ pháp lý của TTHC	- Quyết định số 89/2005/QĐ-BNN ngày 29/12/2005 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc Ban hành Quy chế quản lý giống cây trồng lâm nghiệp - Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo vệ và phát triển rừng theo Nghị quyết số 57/NQ-CP ngày 15/12/2010. - <i>Thông tư số 15/2015/TT-BNNPTNT ngày 26/3/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, hướng dẫn nhiệm vụ các Chi cục và các tổ chức sự nghiệp trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</i> - <i>Thông tư số 207/2016 ngày 09/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực trồng trọt và giống cây trồng lâm nghiệp.</i>

Ghi chú: “Phần chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung”

Phụ lục 14:
(Ban hành kèm theo Thông tư số 25 /2011/TT-BNNPTNT)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 200

THÔNG BÁO
KẾT QUẢ SẢN XUẤT CÂY CON Ở VƯỜN ƯƠM CÂY LÂM NGHIỆP

Kính gửi:

Thực hiện quy định trong thủ tục giám sát chuỗi hành trình giống cây trồng lâm nghiệp chính, chúng tôi thông báo kết quả sản xuất cây con của vụ/năm.....và đề nghị quý cơ quan thẩm định để cấp giấy chứng nhận nguồn gốc giống cho lô cây con sau đây:

Tên đơn vị SXKDGLN	
Địa chỉ của đơn vị SXKDGLN	
Loại cây con được sản xuất	<input type="checkbox"/> Cây ươm từ hạt <input type="checkbox"/> Cây giâm hom <input type="checkbox"/> Cây nuôi cấy mô
Mã số nguồn giống gốc được công nhận dùng để nhân giống	
Số lượng	<input type="checkbox"/> Khối lượng (kg) hạt được đưa vào gieo ươm <input type="checkbox"/> Số lượng hom/bình cấy <input type="checkbox"/> Số lượng cây con đạt tiêu chuẩn xuất vườn
Ngày ... tháng ... năm 200...	Trưởng đơn vị SXKDGLN (ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Thông báo này phải được gửi tới Sở Nông nghiệp và PTNT chậm nhất là 10 ngày trước khi đơn vị bán/giao cây con cho khách hàng.

Val

4. Tên thủ tục: Cấp giấy chứng nhận nguồn gốc lô giống.

- Trình tự thực hiện	- Tổ chức, cá nhân: Nộp hồ sơ, nhận phiếu hẹn và lấy kết quả khi đến hẹn - Chi cục Kiểm lâm Hà Nội tiếp nhận hồ sơ, thụ lý thẩm định các số liệu ghi trong thông báo thu hoạch giống và năng lực thực tế của nguồn giống sản xuất ra lô giống xin chứng nhận. Sau khi kiểm tra đủ các điều kiện, trình Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp giấy chứng nhận nguồn gốc lô giống.
- Cách thức thực hiện	<i>Gửi hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu điện tới Chi cục Kiểm lâm Hà Nội; Địa chỉ: Ba La, phường Phú La, Hà Đông, Hà Nội.</i>
- Thành phần Hồ sơ	a) Thành phần hồ sơ, bao gồm: - Thông báo kế hoạch thu hoạch vật liệu giống. b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ
- Thời hạn giải quyết	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được giấy thông báo thu hoạch giống của chủ nguồn giống.
- Đối tượng thực hiện	- Tổ chức; - Cá nhân.
- Cơ quan thực hiện TTHC	- Cơ quan có quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Cơ quan thực hiện TTHC: <i>Chi cục Kiểm lâm Hà Nội.</i>
- Kết quả thực hiện TTHC	- Giấy chứng nhận
- Lệ phí	- 750.000 đồng/lô giống
- Tên mẫu đơn, tờ khai	Thông báo kế hoạch thu hoạch vật liệu giống theo (Phụ lục 15 Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT)
Yêu cầu, điều kiện	Không
- Căn cứ pháp lý của TTHC	- Quyết định số 89/2005/QĐ-BNN ngày 29/12/2005 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Về việc Ban hành Quy chế quản lý giống cây trồng lâm nghiệp - Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo vệ và phát triển rừng theo Nghị quyết số 57/NQ-CP ngày 15/12/2010. - <i>Thông tư số 15/2015/TT-BNNPTNT ngày 26/3/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, hướng dẫn nhiệm vụ các Chi cục và các tổ chức sự nghiệp trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</i> - <i>Thông tư số 207/2016 ngày 09/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực trồng trọt và giống cây trồng lâm nghiệp.</i>

Ghi chú: “Phần chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung”

VAS

Phụ lục 15:
(Ban hành kèm theo Thông tư số 25 /2011/TT-BNNPTNT)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 200

THÔNG BÁO
THU HOẠCH VẬT LIỆU GIỐNG CÂY TRỒNG LÂM NGHIỆP

Kính gửi:

Thực hiện quy định trong thủ tục giám sát chuỗi hành trình giống cây trồng lâm nghiệp chính; căn cứ vào sản lượng hiện thời của nguồn giống của đơn vị (hoặc của chủ nguồn giống có hợp đồng kinh tế với đơn vị), chúng tôi thông kế hoạch tiến hành thu hoạch vật liệu giống theo thời gian và khối/số lượng dự kiến như sau:

Phần 1: Thông báo thu hoạch vật liệu giống cây trồng lâm nghiệp	
Tên chủ nguồn giống	
Địa chỉ kèm theo Tel/Fax/Email của chủ nguồn giống	
Loài cây được thu hoạch giống	
Mã số nguồn giống	
Địa điểm nguồn giống được thu hái	
Loại hình nguồn giống (theo chứng chỉ công nhận nguồn giống)	<input type="checkbox"/> Lâm phần tuyển chọn <input type="checkbox"/> Bình cây mô <input type="checkbox"/> Rừng giống chuyên hoá <input type="checkbox"/> Cây mẹ (Cây trội) <input type="checkbox"/> Rừng giống <input type="checkbox"/> Vườn cung cấp hom <input type="checkbox"/> Vườn giống
Thời gian dự kiến thu hoạch giống	- Ngày bắt đầu: - Ngày kết thúc:
Ngày ... tháng ... năm 200...	Chữ ký và con dấu (nếu có) của chủ nguồn giống
Phần 2: Kết quả thu hoạch giống và đề nghị cấp chứng nhận lự giống thu hoạch được	
Thời gian thu hoạch thực tế	- Ngày bắt đầu: - Ngày kết thúc:
Lượng thu hoạch thực tế sau khi	- Kg (đối với hạt giống)

VNB

trình chế/xử lý	- Số hom (đối với vật liệu sinh dưỡng) - Số bình cây (đối với vật liệu nuôi cấy mô)
Ngày ... tháng ... năm 200...	Chữ ký và con dấu (nếu có) của chủ nguồn giống

Ghi chú: Thông báo này được làm thành 3 liên. Liên đầu (bản gốc) được chủ nguồn giống lưu giữ và điền các thông tin thích hợp theo tiến độ thực hiện việc thu hoạch giống. Liên 2 được chủ nguồn giống gửi tới Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sau khi đã điền vào phần 1, chậm nhất là 10 ngày trước khi tiến hành công việc thu hoạch giống. Liên 3 được gửi tới Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sau khi đã điền phần 2 và kết quả thu hoạch giống cuối cùng thay báo cáo đề đề nghị cấp giấy chứng nhận lô giống đã thu hoạch.

Vmb

5. Tên thủ tục: Giao rừng, cho thuê rừng cho tổ chức

<p>- Trình tự thực hiện</p>	<p>a) Bước 1: Nộp hồ sơ Tổ chức có nhu cầu giao rừng, thuê rừng nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện 01 bộ hồ sơ tại Chi cục Kiểm lâm , <i>Chi cục Kiểm lâm Hà Nội</i> tiếp nhận hồ sơ đề nghị giao rừng, cho thuê rừng; viết xác nhận thành phần hồ sơ tiếp nhận và giấy hẹn ngày trả kết quả.</p> <p>b) Bước 2: Thẩm định hồ sơ và xác định hiện trạng rừng Sau khi nhận hồ sơ hợp lệ, Chi cục Kiểm lâm có trách nhiệm: - Chủ trì thẩm định hồ sơ đề nghị giao rừng, thuê rừng và thực hiện các thủ tục khác theo quy định của pháp luật trước khi giao rừng, cho thuê rừng. - Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân (UBND) cấp huyện, UBND cấp xã tổ chức xác định và đánh giá hiện trạng khu rừng tại thực địa dự kiến giao hoặc cho tổ chức thuê. Kết quả kiểm tra và đánh giá hiện trạng rừng phải lập thành biên bản xác định rõ vị trí, ranh giới, diện tích, hiện trạng, trữ lượng, bản đồ khu rừng và có ký tên của đại diện UBND cấp huyện, đại diện UBND cấp xã, đại diện các chủ rừng liên kề. - Chi cục Kiểm lâm tham mưu cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn lập tờ trình (kèm theo hồ sơ) trình UBND Thành phố xem xét, quyết định giao rừng, thuê rừng cho tổ chức. Thời gian thực hiện Bước 2 không quá 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ của tổ chức.</p> <p>c) Bước 3: Quyết định giao rừng, cho thuê rừng Sau khi nhận được hồ sơ và tờ trình do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình, UBND Thành phố xem xét, ký quyết định giao rừng, cho thuê rừng cho tổ chức (Phụ lục 4 Thông tư <u>38/2007/TT-BNN</u>); ký Hợp đồng cho thuê rừng đối với trường hợp thuê rừng (Phụ lục 5 Thông tư <u>38/2007/TT-BNN</u>). Thời gian thực hiện Bước 3 không quá 3 ngày làm việc.</p> <p>d) Bước 4: Bàn giao rừng Sau khi nhận được Quyết định giao, cho thuê rừng của UBND Thành phố, Chi cục Kiểm lâm phối hợp với UBND cấp huyện, UBND cấp xã tổ chức bàn giao rừng tại thực địa cho tổ chức. Việc bàn giao phải xác định rõ vị trí, ranh giới, diện tích, hiện trạng, trữ lượng, bản đồ khu rừng được giao và lập thành biên bản, có sự tham gia và ký tên của đại diện UBND cấp huyện, UBND cấp xã theo mẫu Biên bản tại Phụ lục 5 và 6 Thông tư <u>38/2007/TT-BNN</u>. Thời gian thực hiện Bước 4 không quá 3 ngày làm việc. Trong quá trình thực hiện các bước giao rừng, cho thuê rừng nêu trên, nếu tổ chức không đủ điều kiện được giao hoặc thuê rừng thì Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Chi cục Kiểm lâm) phải trả lại hồ sơ cho tổ chức và thông báo rõ lý do không được giao hoặc thuê rừng”.</p>
<p>- Cách thức thực hiện</p>	<p><i>Gửi hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu điện tới Chi cục Kiểm lâm Hà Nội; Địa chỉ: Ba La, phường Phú La, Hà Đông, Hà Nội.</i></p>

- Thành phần Hồ sơ	a) Thành phần hồ sơ, bao gồm: - Đề nghị giao rừng, thuê rừng (Phụ lục 05); - Phương án quản lý, sử dụng bền vững khu rừng (bản chính). b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ
- Thời hạn giải quyết	36 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
- Đối tượng thực hiện TTHC	- Tổ chức
- Cơ quan thực hiện TTHC	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân Thành phố - Cơ quan thực hiện TTHC: <i>Chi cục Kiểm lâm Hà Nội</i> . - Cơ quan phối hợp: UBND cấp huyện, UBND cấp xã
- Kết quả thực hiện TTHC	Quyết định giao rừng, cho thuê rừng
- Lệ phí	- Không
- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	Đề nghị giao rừng, thuê rừng (Phụ lục 05 ban hành kèm theo Thông tư số 20/2016/TT-BNNPTNT)
- Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	- Không
- Căn cứ pháp lý của TTHC	- Thông tư số 38/2007/TT-BNN ngày 25/4/2007 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn trình tự, thủ tục giao rừng, cho thuê rừng, thu hồi rừng cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư thôn. - Thông tư số 25/2011/BNN-PTNT ngày 06/4/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo vệ và phát triển rừng theo Nghị quyết số 57/NQ-CP ngày 15/12/2010 - Thông tư số: 20/2016/TT-BNNPTNT ngày 27/06/2016 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư: 38/2007/TT-BNNPTNT, 78/2011/TT-BNNPTNT, 25/2011/TT-BNNPTNT, 47/2012/TT-BNNPTNT, 80/2011/TT-BNNPTNT, 99/2006/TT-BNN; - <i>Thông tư số 15/2015/TT-BNNPTNT ngày 26/3/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, hướng dẫn nhiệm vụ các Chi cục và các tổ chức sự nghiệp trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</i>

Ghi chú: “Phần chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung”

Vah

Phụ lục 05: Mẫu đề nghị giao rừng, cho thuê rừng dùng cho tổ chức
(Ban hành kèm theo Thông tư số: 20 /2016/TT-BNNPTNT
của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ NGHỊ GIAO RỪNG, CHO THUÊ RỪNG

Kính gửi:

1. Tên tổ chức đề nghị giao rừng, cho thuê rừng (1)
 2. Địa chỉ trụ sở chính.....
 3. Địa chỉ liên hệ..... Điện thoại.....
 4. Địa điểm khu rừng đề nghị giao, cho thuê (2).....
 5. Diện tích đề nghị giao rừng, cho thuê (ha).....
 6. Để sử dụng vào mục đích (3).....
 7. Thời hạn sử dụng (năm).....
 8. Phương thức nộp tiền sử dụng rừng (nếu có).....
 9. Cam kết sử dụng rừng đúng mục đích, chấp hành đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng, nộp tiền sử dụng rừng (nếu có) đầy đủ, đúng hạn.....
- Các cam kết khác (nếu có):

....., ngày tháng năm

GIÁM ĐỐC

(Ký và ghi rõ họ, tên chức danh và đóng dấu)

1. Đối với tổ chức phải ghi rõ: tên đầy đủ, địa chỉ, điện thoại; số, ngày cấp, cơ quan cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc quyết định thành lập tổ chức.
2. Địa điểm khu rừng đề nghị giao ghi rõ tên xã (phường, thị trấn; huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương) và tên tiểu khu, khoảnh, lô.
3. Mục đích để quản lý, bảo vệ, sản xuất kinh doanh lâm nghiệp, dịch vụ du lịch, nghiên cứu khoa học..

6. Tên thủ tục: Thẩm định, phê duyệt phương án trồng rừng mới thay thế diện tích rừng chuyển sang sử dụng cho mục đích khác

Trình tự thực hiện	<p>+ Các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cộng đồng dân cư thôn trong nước; tổ chức, cá nhân nước ngoài là chủ dự án có chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác chịu trách nhiệm tổ chức lập phương án trồng rừng thay thế gửi hồ sơ (thành phần, số lượng hồ sơ theo quy định) về <i>Chi cục Kiểm lâm Hà Nội</i> thẩm định. Chi cục Kiểm lâm tham mưu cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định.</p> <p>+ Trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội thành lập Hội đồng và tổ chức thẩm định (<i>trường hợp Phương án trồng rừng thay thế có tổng diện tích dưới 50 hecta thì không nhất thiết thành lập Hội đồng thẩm định Phương án với đầy đủ phần Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định số lượng thành phần Hội đồng thẩm định phù hợp</i>). Trường hợp phải xác minh thực địa, thì thời gian thẩm định phương án không được kéo dài quá 15 (mười lăm) ngày làm việc.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ không đủ theo quy định thì trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Chi cục Kiểm lâm thông báo cho chủ dự án đã gửi để biết.</p> <p>+ Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày họp Hội đồng thẩm định, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét phê duyệt phương án. Trường hợp không đề nghị ủy ban nhân dân thành phố xem xét phê duyệt phương án, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phải trả lời cho chủ dự án biết lý do.</p> <p>+ Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị phê duyệt phương án của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình, ủy ban nhân dân Thành phố phải phê duyệt phương án; trường hợp không phê duyệt, ủy ban nhân dân Thành phố phải thông báo cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn lý do để trả lời cho chủ dự án biết.</p>
Cách thức thực hiện	<p><i>Gửi hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu điện tới Chi cục Kiểm lâm Hà Nội; Địa chỉ: Ba La, phường Phú La, Hà Đông, Hà Nội.</i></p>
Thành phần hồ sơ	<p>+ Thành phần: Văn bản đề nghị phê duyệt phương án (Phụ lục 01); Phương án trồng rừng thay thế (Phụ lục 02) + Số lượng: 05 bộ (01 bản chính và 04 bản sao).</p>
Thời hạn giải quyết	<p>Trong thời hạn 33 ngày làm việc.</p>
Cơ quan thực hiện TTHC	<p>- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội - Cơ quan thực hiện: <i>Chi cục Kiểm lâm Hà Nội.</i></p>
Đối tượng thực hiện TTHC	<p>Cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cộng đồng dân cư thôn trong nước; tổ chức, cá nhân nước ngoài.</p>
Kết quả thực hiện TTHC	<p>Quyết định phê duyệt phương án trồng rừng mới thay thế diện tích rừng chuyển sang sử dụng cho mục đích khác.</p>
Lệ phí	<p>Không.</p>



Mẫu đơn, tờ khai	Đề nghị phê duyệt phương án trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang sử dụng cho mục khác (Phụ lục 01); Phương án trồng rừng thay thế (Phụ lục 02) (Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2013/TT-BNNPTNT)
Điều kiện thực hiện TTHC	Không.
Căn cứ pháp lý của TTHC	+ Điều 3 và Điều 4 Thông tư số 24/2013/TT-BNNPTNT ngày 06/5/2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác. + Khoản 1, 2, 3 Điều 1 Thông tư số 26/2015/TT-BNNPTNT ngày 29/7/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 24/2013/TT-BNNPTNT . + Quyết định số 3482/QĐ-BNN-TCLN ngày 28/8/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Thông tư số 15/2015/TT-BNNPTNT ngày 26/3/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, hướng dẫn nhiệm vụ các Chi cục và các tổ chức sự nghiệp trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Ghi chú: “Phần chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung”

Vab

Phụ lục 01
(Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2013/TT-BNNPTNT)
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm

ĐỀ NGHỊ PHÊ DUYỆT PHƯƠNG ÁN
TRỒNG RỪNG THAY THẾ KHI CHUYỂN SANG MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG
RỪNG SANG SỬ DỤNG CHO MỤC KHÁC

Dự án:
Kính gửi
Tên tổ chức:
Địa chỉ:
Căn cứ Thông tư 24/2013/TT-BNNPTNT ngày 6/5/2013 Quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang sử dụng cho mục đích khác, đề nghị Phê duyệt phương án trồng rừng thay thế như sau:
Tổng diện tích rừng chuyển mục đích sử dụng:
Loại rừng chuyển mục đích sử dụng:
Đối tượng rừng chuyển đổi:
Diện tích đất trồng rừng thay thế:
Vị trí trồng rừng thay thế: thuộc khoảnh....., tiểu khu.... xã....huyện....tỉnh...
Thuộc đối tượng đất rừng (Phòng hộ, đặc dụng, sản xuất):
Phương án trồng rừng thay thế:
- Loài cây trồng
- Phương thức trồng (hỗn giao, thuần loài):
- Mức đầu tư bình quân 1 ha (triệu đồng):
- Thời gian trồng:
Tổng mức đầu tư trồng rừng thay thế:
..... (tên tổ chức) cam đoan thực hiện đúng quy định của nhà nước về trồng rừng thay thế, nếu vi phạm hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện của tổ chức .
(ký, đóng dấu)

Vinh

Phụ lục 02
(Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2013/TT-BNNPTNT)

PHƯƠNG ÁN TRỒNG RỪNG THAY THẾ

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

II. CĂN CỨ XÂY DỰNG

III. KHÁI QUÁT VỀ DIỆN TÍCH RỪNG, ĐẤT RỪNG CHUYỂN ĐỔI MỤC ĐÍCH

1. Tên Phương án:
2. Vị trí khu rừng: Diện tíchha, Thuộc khoảnh,lô
Các mặt tiếp giáp
- Địa chỉ khu rừng: Thuộc xãhuyệntỉnh
3. Địa hình: Loại đất độ dốc
4. Khí hậu:.....
5. Tài nguyên rừng (nếu có): Loại rừng

IV. MỤC TIÊU, NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN

V. XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN,

1. Phương án án 1: Chủ đầu tư tự thực hiện.
 - Tổng diện tích rừng chuyển mục đích sử dụng:
 - Loại rừng chuyển mục đích sử dụng:
 - Đối tượng rừng chuyển đổi:
 - + Trạng thái rừng
 - + Trữ lượng rừng m³, tre, nứa..... cây
 - Diện tích đất trồng rừng thay thế:
 - + Vị trí trồng: thuộc khoảnh..., tiểu khu.... xã..... huyện....tỉnh.....
 - + Thuộc đối tượng đất rừng (Phòng hộ, đặc dụng, sản xuất):
 - Kế hoạch trồng rừng thay thế
 - + Loài cây trồng
 - + Mật độ
 - + Phương thức trồng (hỗn giao, thuần loài):
 - + Chăm sóc, bảo vệ rừng trồng:
 - + Thời gian và tiến độ trồng:
 - + Xây dựng đường băng cản lửa
 - + Mức đầu tư bình quân 1 ha (triệu đồng):
 - + Tổng vốn đầu tư trồng rừng thay thế.
2. Phương án 2: Nộp tiền về quỹ bảo vệ và phát triển rừng (do hết quỹ đất)
 - Lý do xây dựng phương án
 - Dự toán kinh phí thực hiện phương án

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

.....
.....

Vub

7. Tên thủ tục: Cấp phép khai thác chính, tận dụng, tận thu gỗ rừng trồng trong rừng phòng hộ của tổ chức

- Trình tự thực hiện	a) Các tổ chức nộp hồ sơ tại Chi cục Kiểm lâm. b) Chi cục Kiểm lâm kiểm tra hồ sơ và viết giấy biên nhận; c) Hoàn chỉnh hồ sơ theo yêu cầu của Chi cục Kiểm lâm d) Nhận kết quả tại Chi cục Kiểm lâm
- Cách thức thực hiện	<i>Gửi hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu điện tới Chi cục Kiểm lâm Hà Nội; Địa chỉ: Ba La, phường Phú La, Hà Đông, Hà Nội.</i>
- Thành phần Hồ sơ	a) Thành phần hồ sơ: - Giấy đề nghị cấp phép khai thác, - Hồ sơ thiết kế khai thác, tận dụng, tận thu. b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ
- Thời hạn giải quyết	Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt hồ sơ, cấp phép khai thác và trả kết quả cho chủ rừng.
- Đối tượng thực hiện TTHC	Chủ rừng là tổ chức
- Cơ quan thực hiện TTHC	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội. - Cơ quan thực hiện: Chi cục Kiểm lâm Hà Nội
- Kết quả của việc thực hiện TTHC	Giấy phép khai thác
- Lệ phí	Không
- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	- Giấy đề nghị cấp phép khai thác (phụ lục 3) - Hồ sơ thiết kế khai thác, tận dụng, tận thu (phụ lục 1) Thông tư số 21/2016/TT-BNNPTNT
- Yêu cầu, điều kiện	Không
- Căn cứ pháp lý của TTHC	- Điều 6 Thông tư số 21/2016/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 6 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về khai thác chính và tận dụng, tận thu lâm sản. - Thông tư số 17/2017/TT-BNNPTNT ngày 11/9/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 21/2016/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 6 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về khai thác chính và tận dụng, tận thu lâm sản; - Thông tư số 15/2015/TT-BNNPTNT ngày 26/3/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, hướng dẫn nhiệm vụ các Chi cục và các tổ chức sự nghiệp trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Ghi chú: “Phần chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung”

Vinh

Phụ lục 3: Mẫu giấy đề nghị cấp phép khai thác
(Kèm theo Thông tư số 21 /2016/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và PTNT)
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP KHAI THÁC

Kính gửi:.....

- Tên chủ rừng, hoặc đơn vị khai thác.....
- Địa chỉ:.....
được giao quản lý, sử dụngha rừng, theo giấy
chứng nhận quyền sử dụng đất, rừng sốngày..... tháng....năm..... (hoặc
Quyết định giao, cho thuê đất, rừng số.....ngày.....tháng....năm..... của
.....)
- Xin đăng ký khai thác.....tại lô.....khoảnh.....tiểu
khu.....; với số lượng, khối lượng gỗ, lâm sản.
Kèm theo các thành phần hồ sơ
gồm:.....
.....
.....
.....

Đề nghị quý cơ quan xem xét, cho ý kiến./.

Chủ rừng (Đơn vị khai thác)
(ký tên ghi rõ họ tên đóng dấu nếu có)

Vinh

Phụ lục 1: Mẫu đề cương thiết kế khai thác
(Kèm theo Thông tư số 21 /2016/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và PTNT)

Đơn vị chủ quản:.....
Tên đơn vị:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỒ SƠ
THIẾT KẾ KHAI THÁC, TẬN DỤNG, TẬN THU LÂM SẢN

I. Đặt vấn đề:

- Tên chủ rừng (đơn vị khai thác).....
- Mục đích khai thác.....

II. Tình hình cơ bản khu khai thác

1. Vị trí, ranh giới khu khai thác:

a) Vị trí: Thuộc lô....., khoảnh ,..... Tiểu khu

b) Ranh giới:

- Phía Bắc giáp.....
- Phía Nam giáp.....
- Phía Tây giáp.....
- Phía Đông giáp.....

2. Diện tích khai thác:.....ha;

3. Loại rừng đưa vào khai thác.

III. Các chỉ tiêu kỹ thuật lâm sinh:

1. Tổng trữ lượng, trữ lượng bình quân.....
2. Sản lượng cây đứng...
3. Tỷ lệ lợi dụng:
4. Sản lượng khai thác.

(kèm theo biểu tài nguyên và các chỉ tiêu lâm học)

IV. Sản phẩm khai thác:

- Tổng sản lượng khai thác..... (phân ra từng lô, khoảnh), cụ thể:
- + Gỗ: số cây....., khối lượngm³
- + Lâm sản ngoài gỗ.....((m³/ cây/tấn..)
- Chủng loại sản phẩm (Đối với gỗ phân theo từng loài, từng nhóm gỗ; đối với lâm sản ngoài gỗ phân theo từng loài)

(kèm theo biểu sản phẩm khai thác)

V. Biện pháp khai thác, thời gian hoàn thành.

- a) Chặt hạ:
- b) Vận xuất:
- c) Vận chuyển
- d) Vệ sinh rừng sau khai thác
- e) Thời gian hoàn thành.

VI. Kết luận, kiến nghị.

Chủ rừng /đơn vị khai thác
(ký tên ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

Vib

8. Tên thủ tục: Thẩm định, phê duyệt hồ sơ thiết kế, dự toán công trình lâm sinh / Điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh (đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND cấp Thành phố quyết định đầu tư)

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1: + Chủ đầu tư là các tổ chức, đơn vị thuộc Thành phố quản lý chịu trách nhiệm tổ chức lập hồ sơ thiết kế, dự toán công trình lâm sinh hoặc hồ sơ điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh, gửi hồ sơ (thành phần, số lượng hồ sơ theo quy định) về <i>Chi cục Kiểm lâm Hà Nội</i> để thẩm định.</p> <p>Bước 2: + Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Chi cục Kiểm lâm tổ chức thẩm định và có báo cáo thẩm định; tham mưu cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Tờ trình và dự thảo quyết định phê duyệt, trình Chủ tịch UBND Thành phố phê duyệt.</p> <p>Bước 3: + Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đã thẩm định, Chủ tịch UBND Thành phố quyết định phê duyệt thiết kế hoặc Phê duyệt điều chỉnh hồ sơ thiết kế và dự toán công trình lâm sinh và trả kết quả cho các tổ chức 03 ngày làm việc.</p>
Cách thức thực hiện	<p><i>Hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện tới Chi cục Kiểm lâm Hà Nội</i> <i>Địa chỉ: Ba La, phường Phú La, Hà Đông, Hà Nội.</i></p>
Thành phần hồ sơ	<p>+ Thành phần: * Tờ trình đề nghị phê duyệt thiết kế, dự toán theo mẫu số 01 Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 23/2016/TT-BNNPTNT. * Hồ sơ thiết kế, dự toán công trình lâm sinh: - Thuyết minh thiết kế công trình lâm sinh được lập theo mẫu tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 23/2016/TT-BNNPTNT. - Thiết kế công trình lâm sinh, gồm: Bản đồ hiện trạng sử dụng đất, bản đồ thiết kế công trình lâm sinh tỷ lệ 1/5.000 hoặc 1/10.000, được lập trên nền bản đồ địa hình theo hệ quy chiếu VN 2.000, có lưới tọa độ, số hiệu tiểu khu, khoảnh, lô; thể hiện đường đồng mức, hiện trạng, các vật thể chuẩn (sông suối, đường giao thông, băng cản lửa, trạm bảo vệ rừng,...) và các nội dung hướng dẫn tại Phụ lục II Thông tư số 23/2016/TT-BNNPTNT. - Dự toán công trình lâm sinh được lập theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 23/2016/TT-BNNPTNT. * Các văn bản có liên quan (quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định phê duyệt dự án đầu tư và các tài liệu khác có liên quan). + Số lượng: 05 bộ</p>
Thời hạn giải quyết	<p>Thẩm định, phê duyệt hồ sơ thiết kế, dự toán công trình lâm sinh hoặc Thẩm định, phê duyệt điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh: Trong thời hạn 20 ngày làm việc. Trong đó: - Thẩm định tại Chi cục Kiểm lâm: 15 ngày làm việc. - Chủ tịch UBND Thành phố quyết định phê duyệt và trả kết quả: 05 ngày làm việc.</p>
Đối tượng	<p>Chủ đầu tư các dự án do Chủ tịch UBND cấp Thành phố quyết định đầu tư.</p>

Vib

thực hiện	
Cơ quan thực hiện	- Cơ quan có quyền quyết định: Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội. - Cơ quan thực hiện: <i>Chi cục Kiểm lâm Hà Nội.</i>
Kết quả thực hiện	Quyết định phê duyệt hồ sơ thiết kế, dự toán công trình lâm sinh hoặc Quyết định điều chỉnh phê duyệt hồ sơ thiết kế, dự toán công trình lâm sinh.
Phí, lệ phí	Không.
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	Đề cương thuyết minh thiết kế công trình lâm sinh (Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 23/2016/TT-BNNPTNT). Mẫu văn bản liên quan đến lập, thẩm định, phê duyệt, nghiệm thu công trình lâm sinh ban hành kèm theo Thông tư số 23/2016/TT-BNNPTNT).
Yêu cầu điều kiện	Không.
Căn cứ pháp lý của TTHC	+ Luật đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18/6/2014. + Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 3/3/2006 của Chính phủ về thi hành Luật bảo vệ và phát triển rừng. + Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư công. + Điều 4, Điều 6, Điều 7 Thông tư số 23/2016/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 06 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn số nội dung quản lý công trình lâm sinh. + Quyết định số 1050/QĐ-BNN-TCLN ngày 30/3/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính thay thế, bị thay thế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - <i>Thông tư số 15/2015/TT-BNNPTNT ngày 26/3/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, hướng dẫn nhiệm vụ các Chi cục và các tổ chức sự nghiệp trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</i>

Ghi chú: “Phần chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung”

PHỤ LỤC I
ĐỀ CƯƠNG THUYẾT MINH THIẾT KẾ CÔNG TRÌNH LÂM SINH
(Ban hành kèm theo Thông tư số 23/2016/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 06 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

I.1. ĐỀ CƯƠNG CHUNG

1. **Tên công trình lâm sinh:** Xác định công trình lâm sinh là trồng rừng, nuôi dưỡng rừng, cải tạo rừng,...
2. **Thuộc dự án:** Tên dự án, số quyết định phê duyệt, ngày tháng ban hành.
3. **Mục tiêu:** Xác định rõ mục tiêu của công trình lâm sinh: xây dựng dựng nhằm mục đích phòng hộ, đặc dụng, sản xuất....
4. **Địa điểm xây dựng:** Theo địa danh (tỉnh, huyện, xã), theo hệ thống đơn vị tiểu khu, khoảnh, lô.
5. **Chủ quản đầu tư:** cấp quyết định đầu tư.
6. **Chủ đầu tư, chủ khu đất, chủ khu rừng:** nếu đất rừng được giao, khoán rừng cho hộ gia đình và cộng đồng thì chủ khu đất, khu rừng thuộc hộ gia đình hoặc cộng đồng).
7. **Cơ sở pháp lý và tài liệu liên quan:** những tài liệu liên quan trực tiếp đến dự án lâm sinh bao gồm:
 - Quy hoạch và kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng của địa phương đã được phê duyệt;
 - Dự án bảo vệ và phát triển rừng;
 - Các văn bản liên quan khác.
8. **Điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội**
 - a) Vị trí địa lý: khu đất thuộc tiểu khu, khoảnh, lô rừng.
 - b) Đặc điểm địa hình, đất đai, thực bì.
 - c) Tình hình khí hậu, thủy văn và các điều kiện tự nhiên khác trong vùng: xác định các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động tác nghiệp trong dự án lâm sinh như: những tháng để trồng rừng, tháng tiến hành nuôi dưỡng rừng,....
 - d) Điều kiện về kinh tế, xã hội: khái quát những nét cơ bản, liên quan trực tiếp đến hoạt động tác nghiệp công trình lâm sinh.
9. **Nội dung thiết kế:** Nêu nội dung thiết kế từng công trình lâm sinh cụ thể theo hướng dẫn tại mục 1.2 Phụ lục này, gồm:
 - a) Thiết kế trồng rừng
 - b) Thiết kế cải tạo rừng

.....
10. Thời gian thực hiện, gồm: thời gian khởi công và hoàn thành; nội dung hoạt động từng năm (nếu công trình kéo dài nhiều năm); chi tiết các hoạt động theo tháng (nếu công trình thực hiện một năm).

STT	Hạng mục	ĐVT (ha/lượt ha)	Khối lượng	Kế hoạch thực hiện		
				Năm...	Năm...	Năm...
1						
2						

11. Các yêu cầu về vốn đầu tư, nguồn vốn

11.1. **Tính toán nhu cầu vốn đầu tư:** Việc tính toán nhu cầu vốn đầu tư được tiến hành theo từng lô. Những lô có điều kiện tương tự nhau được gộp chung thành nhóm. Nhu cầu vốn cho từng công trình lâm sinh được tính chi phí trực tiếp cho từng lô, sau khi nhân với diện tích sẽ tổng hợp và tính các chi phí cần thiết khác.

Viết

Stt	Hạng mục	Số tiền (1.000 đ)
	TỔNG (I+II+...+ VI)	
I	Chi phí xây dựng	
1	Chi phí trực tiếp	
1.1	Chi phí nhân công	
	Xử lý thực bì	
	Đào hố	
	Vận chuyển cây con thủ công	
	Phát đường ranh cản lửa	
	Trồng dặm	
	...	
	
1.2	Chi phí máy	
	Đào hố bằng máy	
	Vận chuyển cây con bằng cơ giới	
	Ủi đường ranh cản lửa	
	...	
	...	
1.3	Chi phí vật tư, cây giống	
	Cây giống	
	Phân bón	
	Thuốc bảo vệ thực vật	
	...	
	
2	Chi phí chung	
	...	
	...	
3	Thu nhập chịu thuế tính trước	
	...	
	...	
4	Thuế giá trị gia tăng	
	...	
	...	
II	Chi phí thiết bị	
	...	
	...	
III	Chi phí quản lý	
	...	
	...	
IV	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	
	...	
	...	
V	Chi phí khác	
	...	
	...	
VI	Chi phí dự phòng	

...	
...	

11.2. Nguồn vốn đầu tư: Xác định vốn đầu tư theo nguồn vốn:

- Vốn Ngân sách Nhà nước;
- Vốn Nhà nước ngoài Ngân sách;
- Vốn khác (vay ngân hàng, liên doanh, liên kết,...).

12.3. Tiến độ giải ngân

STT	Nguồn vốn	Tổng	Năm 1	Năm 2	Năm kết thúc
	Tổng vốn					
1	Vốn Nhà nước					
2	Vốn Nhà nước ngoài Ngân sách					
3	Vốn khác					

12. Tổ chức thực hiện

- Phân công trách nhiệm của từng tổ chức cá nhân tham gia từng công việc cụ thể.
- Nguồn nhân lực thực hiện: Xác định rõ tổ chức, hoặc hộ gia đình của thôn, xã hoặc cộng đồng dân cư thôn thực hiện.

I.2. NỘI DUNG THIẾT KẾ CỤ THỂ

A. HẠNG MỤC TRỒNG RỪNG

I. Điều tra, khảo sát và thiết kế trồng rừng

1. Công tác chuẩn bị

a) Thu thập tài liệu có liên quan

- Bản đồ địa hình có hệ tọa độ gốc VN 2.000 có tỷ lệ 1/10.000; 1/25.000.
- Báo cáo nghiên cứu khả thi, bản đồ hiện trạng và quy hoạch của dự án được phê duyệt;
- Định mức kinh tế kỹ thuật trồng rừng và định mức kinh tế kỹ thuật xây dựng cơ bản khác có liên quan của trung ương và địa phương;
- Tài liệu, văn bản khác có liên quan đến công tác thiết kế.

b) Dụng cụ kỹ thuật, văn phòng phẩm, bao gồm: Máy định vị GPS, thiết bị đo vẽ, dao phát, phiếu điều tra thu thập số liệu,...

c) Chuẩn bị lương thực, thực phẩm, phương tiện, tư trang...

d) Lập kế hoạch thực hiện: về nhân sự, kinh phí, thời gian thực hiện.

2. Công tác ngoại nghiệp

a) Sơ bộ khảo sát, xác định hiện trường khu thiết kế trồng rừng.

b) Xác định ranh giới tiểu khu, khoảnh (hoặc ranh giới khu thiết kế), lô trên thực địa.

c) Đo đạc các đường ranh giới tiểu khu, khoảnh, lô thiết kế; lập bản đồ thiết kế ngoại nghiệp và đóng cọc mốc trên các đường ranh giới.

d) Đóng mốc: Tại điểm các đường ranh giới tiểu khu, đường khoảnh, đường lô giao nhau và trên đường ranh giới lô khi thay đổi góc phương vị phải đóng cọc mốc, trên mốc ghi số hiệu tiểu khu, khoảnh, lô và diện tích lô. Vật liệu làm mốc là các loại gỗ cứng hoặc cọc bê tông: mốc tiểu khu, đường kính 15 cm, cao 1,0 m, chôn sâu 0,5 m. Mốc khoảnh đường kính 12 cm, cao 1,0 m, chôn sâu 0,5 m và mốc lô đường kính 10 cm, cao 0,8 m, chôn sâu 0,4 m.

đ) Khảo sát các yếu tố tự nhiên:

- Địa hình: Độ cao (tuyệt đối, tương đối), hướng dốc, độ dốc;
- Đất đai: đá mẹ; loại đất, đặc điểm của đất; độ dày tầng đất mặt; thành phần cơ giới: nhẹ, trung bình, nặng; tỷ lệ đá lẫn: %; độ nén chặt: toỉ xốp, chặt, cứng rắn; đá nỏi: %; tình hình xói mòn mặt: yếu, trung bình, mạnh;
- Thực bì: loại thực bì; loài cây ưu thế; chiều cao trung bình (m); tình hình sinh trưởng (tốt, trung bình, xấu); độ che phủ; cấp thực bì;
- Cự ly vận chuyển cây con (m) và phương tiện vận chuyển;
- Cự ly đi làm (m) và phương tiện đi lại.

Vinh

- e) Thiết kế công trình phòng chống cháy rừng.
- g) Thu thập các tài liệu về dân sinh kinh tế xã hội.
- h) Hoàn chỉnh tài liệu ngoại nghiệp.
- i) Xác định các công trình hạ tầng cơ sở kỹ thuật: Vườn ươm, lán trại, đường vận chuyển cây con...

3. Công tác nội nghiệp

- a) Xác định biện pháp kỹ thuật trồng rừng.
- b) Xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật.
- c) Tính chi phí đầu tư cho 01 ha, từng lô, kế hoạch trồng rừng trong từng năm và toàn bộ thời gian thực hiện.

(Các số liệu điều tra, tính toán được thống kê theo hệ thống mẫu biểu quy định tại Phần II mục này).

d) Bản đồ hiện trạng sử dụng đất những lô thuộc dự án trồng rừng thể hiện: từ số là số lô (có thể là số Ả Rập hoặc chữ cái Latinh viết thường tùy theo quy định của địa phương) - trạng thái đất trồng rừng (Ia, Ib, Ic), loại đất (địa hình, độ dốc, đá mẹ, độ dày tầng đất, tỷ lệ đá lẫn).
Mẫu số là diện tích lô. Thí dụ:

3-~~b~~-~~■~~-30%

9.2

(lô 3, trạng thái Ib, độ dốc cấp III, 30% đá lẫn, diện tích 9.2 ha)

e) Bản đồ thiết kế trồng rừng: Lô trồng rừng thể hiện từ số là số lô-TR-loài cây trồng, mẫu số là diện tích. Thí dụ:

6-TR-Keolai

24.8

g) Xây dựng báo cáo thuyết minh thiết kế trồng rừng.

II. Hệ thống biểu kèm theo thuyết minh thiết kế trồng rừng

Biểu 1: Khảo sát các yếu tố tự nhiên, sản xuất

Tiểu khu:

Khoảnh:

Hạng mục	Khảo sát		
	Lô....	Lô....	Lô....
1. Địa hình			
- Độ cao (tuyệt đối, tương đối)			
- Hướng dốc			
- Độ dốc			
2. Đất			
a. Vùng đồi núi.			
- Đá mẹ			
- Loại đất, đặc điểm của đất.			
- Độ dày tầng đất mặt: m			
- Thành phần cơ giới: nhẹ, trung bình, nặng			
- Tỷ lệ đá lẫn: %			
- Độ nén chặt: toi xốp, chặt, cứng rắn.			
- Đá nổi: %			
- Tình hình xói mòn mặt: yếu, trung bình, mạnh			
b. Vùng ven sông, ven biển:			
- Vùng bãi cát:			
+ Thành phần cơ giới: cát thô, cát mịn, cát pha đất.			
+ Tình hình di động của cát: di động, bán di động, cố định			

Handwritten signature

+ Độ dày tầng cát.			
+ Thời gian bị ngập nước.			
+ Loại nước: ngọt, mặn, lợ.			
- Vùng bãi lầy:			
+ Độ sâu tầng bùn.			
+ Độ sâu ngập nước.			
+ Loại nước: ngọt, mặn, lợ.			
+ Thời gian bị ngập nước, chế độ thủy triều.			
3. Thực bì			
- Loại thực bì.			
- Loài cây ưu thế.			
- Chiều cao trung bình (m).			
- Tình hình sinh trưởng (tốt, trung bình, xấu).			
- Độ che phủ.			
4. Cơ lý vận chuyển cây con (m) và phương tiện vận chuyển.			
5. Cơ lý đi làm (m) và phương tiện đi lại			

Biểu 2: Thiết kế trồng, chăm sóc rừng năm thứ nhất

Tiểu khu:

Khoảnh:

Biện pháp kỹ thuật	Lô thiết kế		
	Lô ...	Lô...	...
I. Xử lý thực bì:			
1. Phương thức			
2. Phương pháp			
3. Thời gian xử lý			
II. Làm đất:			
1. Phương thức:			
- Cục bộ			
- Toàn diện			
2. Phương pháp (cuốc đất theo hố, kích thước hố, lấp hố...):			
- Thủ công			
- Cơ giới			
- Thủ công kết hợp cơ giới			
3. Thời gian làm đất			
III. Bón lót phân			
1. Loại phân			
2. Liều lượng bón			
3. Thời gian bón			
IV. Trồng rừng:			
1. Loài cây trồng			
2. Phương thức trồng			
3. Phương pháp trồng			
4. Công thức trồng			
5. Thời vụ trồng			
6. Mật độ trồng:			

Vinh

- Cự ly hàng (m)			
- Cự ly cây (m)			
7. Tiêu chuẩn cây giống (chiều cao, đường kính cổ rễ, tuổi)			
8. Số lượng cây giống, hạt giống (kể cả trồng dặm)			
V. Chăm sóc, bảo vệ năm đầu:			
1. Lần thứ nhất: (tháng đến tháng)			
- Nội dung chăm sóc:			
+ ...			
2. Lần thứ 2, thứ 3...: Nội dung chăm sóc như lần thứ nhất hoặc tùy điều kiện chỉ vận dụng nội dung thích hợp			
3. Bảo vệ:			
-			

Biểu 3: Thiết kế chăm sóc bảo vệ rừng trồng năm thứ 2, 3...

Tiểu khu:

Khoảnh:

Hạng mục	Vị trí tác nghiệp		
	Lô	Lô	Lô
I. Đối tượng áp dụng (rừng trồng năm thứ II, III, vườn thực vật ..v.v..)			
II. Chăm sóc:			
1. Lần thứ nhất (tháng đến ... tháng....)			
a. Trồng dặm.			
b. Phát thực bì: (toàn diện, theo băng, theo hố, hoặc không cần phát).			
c. Làm cỏ, xới đất, vun gốc, cày bừa đất v.v...			
d. Bón phân: (loại phân bón, liều lượng, kỹ thuật bón...)			
.....			
2. Lần thứ 2, thứ 3,...: nội dung chăm sóc tương tự như lần thứ nhất hoặc tùy điều kiện chỉ vận dụng nội dung thích hợp.			
III. Bảo vệ:			
1. Tu sửa đường băng cản lửa.			
2. Phòng chống người, gia súc phá hoại			
.....			
.....			

Biểu 4: Chi phí trực tiếp cho trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng trồng

1. Tiểu khu:

4. Diện tích (ha):

2. Khoảnh:

5. Chi phí (1.000 đ):

3. Lô:

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Định mức	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền	Căn cứ xác định định mức, đơn giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
A	Tổng = B* Diện tích lô						
B	Dự toán/ha (I+II)						
I	Chi phí trồng rừng						

Vinh

1	Chi phí nhân công					
	Xử lý thực bì					
	Đào hố					
	Lấp hố					
	Vận chuyển cây con thủ công					
	Vận chuyển và bón phân					
	Phát đường ranh cản lửa					
	Trồng dặm					
	...					
2	Chi phí máy thi công					
	Đào hố bằng máy					
	Vận chuyển cây con bằng cơ giới					
	Ủi đường ranh cản lửa					
	Chi phí trực tiếp khác					
3	Chi phí vật liệu					
	Cây giống					
	Phân bón					
	Thuốc bảo vệ thực vật					
	...					
II	Chi phí chăm sóc và bảo vệ rừng trồng					
1	Năm thứ hai					
	Công chăm sóc, bảo vệ					
	Vật tư					
					
2	Năm thứ ba					
	Công chăm sóc, bảo vệ					
	Vật tư					
					
3	Năm thứ ...					
	Công chăm sóc, bảo vệ					
	Vật tư					
					

Biểu 5: Tổng hợp khối lượng thực hiện

STT	Hạng mục	ĐVT (ha/lượt ha)	Khối lượng	Kế hoạch thực hiện			Ghi chú
				Năm...	Năm...	Năm...	
1							
2							

Kinh

B. CẢI TẠO RỪNG TỰ NHIÊN NGHÈO KIẾT

I. Lập thiết kế cải tạo rừng

1. Công tác chuẩn bị

Thực hiện như đối với công tác chuẩn bị thiết kế trồng rừng.

2. Điều tra ngoại nghiệp

a) Khảo sát xác định hiện trường khu thiết kế cải tạo rừng, xem xét sự phân bố của tài nguyên rừng, đánh giá mức độ phù hợp về đối tượng cải tạo.

b) Phát đường ranh giới tiểu khu (nếu đường tiểu khu nằm trong vùng thiết kế) hoặc đường bao, đường khoanh, đường lô khu thiết kế để tạo thuận lợi cho quá trình tác nghiệp ngoài hiện trường.

c) Đo đạc để xây dựng bản đồ:

- Dùng máy định vị GPS cầm tay đo đạc toàn bộ đường ranh giới bao khu vực thiết kế, khoanh, lô. Các điểm xác định tọa độ phải có mốc đo đạc.

d) Đóng mốc: Tại điểm, các đường ranh giới tiểu khu, đường khoanh, đường lô giao nhau và trên đường ranh giới lô khi thay đổi góc phương vị phải đóng cọc mốc, trên mốc ghi số hiệu tiểu khu, khoanh, lô và diện tích lô.

Vật liệu làm mốc là các loại gỗ cứng hoặc cọc bê tông: Đối với mốc tiểu khu, đường kính 15 cm, cao 1,0 m, chôn sâu 0,5 m. Mốc khoanh đường kính 12 cm, cao 1,0 m, chôn sâu 0,5 m và mốc lô đường kính 10 cm, cao 0,8 m, chôn sâu 0,4 m.

e) Điều tra tài nguyên rừng. Tất cả các lô rừng thiết kế cải tạo phải điều tra xác minh tài nguyên rừng.

- Phương pháp rút mẫu: Rút mẫu theo phương pháp hệ thống cho từng lô; tỷ lệ rút mẫu: 5% diện tích lô. Tối thiểu 3 ô tiêu chuẩn/lô;

- Diện tích ô tiêu chuẩn: 500 m², kích thước 20 m x 25 m.

- Nội dung điều tra trong ô tiêu chuẩn:

+ Đo đường kính: Đo đường kính của tất cả những cây gỗ có đường kính $D_{1,3} \geq 6$ cm; đo theo cấp kính 2 cm hoặc 4 cm. Xác định tên cây, phẩm chất từng cây theo 3 cấp (Tốt, trung bình, xấu);

+ Đo chiều cao vút ngọn của 3 cây sinh trưởng bình thường ở gần tâm ô tiêu chuẩn. Nếu số cây đo chiều cao trong các ô tiêu chuẩn của cùng một trạng thái chưa đủ 3 cây cho một cấp đường kính thì phải đo bổ sung thêm.

g) Xác định sơ bộ các biện pháp kỹ thuật.

Trên cơ sở hiện trạng rừng, xác định sơ bộ các biện pháp kỹ thuật cải tạo rừng, loài cây trồng đối với từng lô.

h) Xác định các công trình hạ tầng cơ sở kỹ thuật: Vườn ươm, lán trại, đường vận chuyển cây con...

3. Tính toán nội nghiệp

- Tính toán sản lượng khai thác tận dụng thực hiện theo quy định hiện hành về thiết kế khai thác.

- Trên cơ sở các chỉ tiêu định mức kinh tế kỹ thuật và đơn giá hiện hành, dự toán cho 1 ha, cho từng lô cải tạo và tổng dự toán cho toàn bộ diện tích.

- Các số liệu điều tra, tính toán được thống kê theo mẫu biểu quy định trong phần II của mục này.

- Xây dựng bản đồ.

- Xây dựng báo cáo thuyết minh thiết kế cải tạo rừng.

Vinh

II. Hệ thống biểu kèm theo

Biểu 1: Hiện trạng tự nhiên đối tượng rừng cải tạo

Tiểu khu:

Khoảnh:

Hạng mục	Khảo sát		
	Lô....	Lô....	Lô....
1. Địa hình			
- Độ cao (tuyệt đối, tương đối)			
- Hướng dốc			
- Độ dốc			
2. Đất			
a. Vùng đồi núi.			
- Đá mẹ			
- Loại đất, đặc điểm của đất.			
- Độ dày tầng đất mặt: m			
- Thành phần cơ giới: nhẹ, trung bình, nặng			
- Tỷ lệ đá lẫn: %			
- Độ nén chặt: toí xốp, chặt, cứng rắn.			
- Đá nôi: %			
- Tình hình xói mòn mặt: yếu, trung bình, mạnh			
b. Vùng ven sông, ven biển:			
- Vùng bãi cát:			
+ Thành phần cơ giới: cát thô, cát mịn, cát pha đất.			
+ Tình hình di động của cát: di động, bán di động, cố định			
+ Độ dày tầng cát.			
+ Thời gian bị ngập nước.			
+ Loại nước: ngọt, mặn, lợ.			
- Vùng bãi lầy:			
+ Độ sâu tầng bùn.			
+ Độ sâu ngập nước.			
+ Loại nước: ngọt, mặn, lợ.			
+ Thời gian bị ngập nước, chế độ thủy triều.			
3. Thực trạng rừng			
- Trạng thái rừng			
- Trữ lượng rừng (m ³ /ha)			
- Chiều cao trung bình (m).			
- Đường kính trung bình			
- Độ tàn che			
4. Cụ ly vận chuyển cây con (m) và phương tiện vận chuyển.			
5. Cụ ly đi làm (m) và phương tiện đi lại			

Viết

Biểu 2: Các chỉ tiêu về sinh khối rừng cần cải tạo

Tiểu khu:

Khoảnh:

Chỉ tiêu	Lô	Lô	Lô	Lô	Lô
1. Phân bố số cây theo cấp đường kính					
8cm - 20cm					
21cm - 30cm					
31 - 40cm					
>40cm					
Tổng số					
2. Tổ thành theo số cây					
Loài 1					
Loài 2					
Loài 3					
.....					
Tổng số					
3. Tổ thành theo trữ lượng gỗ					
Loài 1					
Loài 2					
Loài 3					
.....					
Tổng số					
4. Tổ thành theo nhóm gỗ					
Nhóm gỗ I					
Nhóm gỗ II					
Nhóm gỗ III					
.....					
Tổng số					

(Tổ thành theo loài cây xác định cho 10 loài từ cao nhất trở xuống)

Vinh

Biểu 3: Sản lượng gỗ tận dụng trong các lô rừng cải tạo

Tiểu khu:

Khoảnh:

Chỉ tiêu	Lô	Lô	Lô		Tổng số
1. Sinh khối					
- Trữ lượng cây đứng bình quân/ha					
- Diện tích lô					
- Trữ lượng cây đứng/lô					
2. Sản lượng tận thu/lô					
- Gỗ lớn					
- Gỗ nhỏ					
- Củi					
3. Sản lượng tận thu theo nhóm gỗ					
Nhóm gỗ I					
Nhóm gỗ II					
Nhóm gỗ III					
.....					
Tổng số					

Biểu 4: Thiết kế cải tạo rừng và chăm sóc năm thứ nhất

Tiểu khu:

Khoảnh:

Biện pháp kỹ thuật	Lô thiết kế		
	Lô ...	Lô...	...
I. Xử lý thực bì:			
1. Phương thức			
2. Phương pháp			
3. Thời gian xử lý			
II. Làm đất:			
1. Phương thức:			
- Cục bộ			
- Toàn diện			
2. Phương pháp (cuốc đất theo hố, kích thước hố, lấp hố...):			
- Thủ công			
- Cơ giới			
- Thủ công kết hợp cơ giới			
3. Thời gian làm đất			
III. Bón lót phân			
1. Loại phân			
2. Liều lượng bón			
3. Thời gian bón			
IV. Trồng rừng:			
1. Loại cây trồng			
2. Phương thức trồng			
3. Phương pháp trồng			
4. Công thức trồng			
5. Thời vụ trồng			
6. Mật độ trồng:			
- Cự ly hàng (m)			
- Cự ly cây (m)			
7. Tiêu chuẩn cây giống (chiều cao, đường kính cổ rễ, tuổi)			
8. Số lượng cây giống, hạt giống (kể cả trồng dặm)			
V. Chăm sóc, bảo vệ năm đầu:			
1. Lần thứ nhất: (tháng đến tháng)			
- Nội dung chăm sóc:			
+ ...			
2. Lần thứ 2, thứ 3...: Nội dung chăm sóc như lần thứ nhất hoặc tùy điều kiện chỉ vận dụng nội dung thích hợp			
3. Bảo vệ:			
-			

Vah

Biểu 5: Thiết kế chăm sóc bảo vệ rừng trồng năm thứ 2, 3...

Tiểu khu:

Khoảnh:

Hạng mục	Công thức kỹ thuật		
	Lô	Lô	Lô
I. Đối tượng áp dụng (rừng trồng năm thứ II, III, vườn thực vật ..v.v..)			
II. Chăm sóc:			
1. Lần thứ nhất (tháng đến .. tháng....)			
a. Trồng dặm.			
b. Phát thực bì: (toàn diện, theo băng, theo hố, hoặc không cần phát).			
c. Làm cỏ, xới đất, vun gốc, cày bừa đất v.v...			
d. Bón phân: (loại phân bón, liều lượng, kỹ thuật bón,..)			
2. Lần thứ 2, thứ 3,...: nội dung chăm sóc tương tự như lần thứ nhất hoặc tùy điều kiện chi vận dụng nội dung thích hợp.			
III. Bảo vệ:			
1. Phòng chống lửa: làm mới, tu sửa đường băng cản lửa.			
2. Phòng chống người, gia súc phá hoại:			

Biểu 6: Chi phí trực tiếp cho cải tạo rừng và chăm sóc bảo vệ rừng trồng

1. Tiểu khu:

4. Diện tích:

2. Khoảnh:

5. Chi phí

3. Lô:

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Định mức	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền	Căn cứ xác định định mức, đơn giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
A	Tổng = B* Diện tích lô						
B	Dự toán/ha (I+II)						
I	Chi phí trồng rừng						
1	Chi phí nhân công						
	Xử lý thực bì						
	Lấp hố						
	Đào hố						
	Vận chuyển cây con thủ công						
	Vận chuyển và bón phân						
	Phát đường ranh cản lửa						
	Trồng dặm						
						
2	Chi phí máy thi công						
	Đào hố bằng máy						
	Vận chuyển cây con bằng cơ giới						
	Ủi đường ranh cản lửa						
	Chi phí trực tiếp khác						
3	Chi phí vật liệu						

Handwritten signature

	Cây giống						
	Phân bón						
	Thuốc bảo vệ thực vật						
						
II	Chi phí chăm sóc và bảo vệ rừng cải tạo						
1	Năm thứ hai						
	Công chăm sóc, bảo vệ						
	Vật tư						
2	Năm thứ ba						
	Công chăm sóc, bảo vệ						
	Vật tư						
3	Năm thứ ...						
	Công chăm sóc, bảo vệ						
	Vật tư						

Biểu 7: Tổng hợp khối lượng thực hiện

STT	Hạng mục	ĐVT (ha/lượt ha)	Khối lượng	Kế hoạch thực hiện			Ghi chú
				Năm...	Năm...	Năm...	
1							
2							

C. HẠNG MỤC KHOANH NUÔI TÁI SINH TỰ NHIÊN VÀ KHOANH NUÔI TÁI SINH CÓ TRỒNG BỔ SUNG

I. Lập thiết kế

1. Công tác chuẩn bị

Thực hiện như đối với công tác chuẩn bị trồng rừng.

2. Công tác ngoại nghiệp

- a) Sơ thám khảo sát xác định hiện trường khu thiết kế khoanh nuôi tái sinh;
- b) Xác định đối tượng khoanh nuôi tái sinh;
- c) Xác định sơ bộ ranh giới tiểu khu, khoảnh (hoặc ranh giới khu thiết kế), ranh giới lô trên thực địa;
- d) Đo đạc đường ranh giới tiểu khu, khoảnh, đường lô và đóng mốc bằng;
- e) Điều tra thu thập số liệu về đất, hiện trạng thực bì và khả năng tái sinh, nguồn giống;
- g) Thu thập số liệu về dân sinh kinh tế xã hội của khu vực thiết kế.

3. Công tác nội nghiệp

- a) Tính toán diện tích lô thiết kế và tổng diện tích kế hoạch thực hiện trong năm;
- b) Xác định các biện pháp lâm sinh, trồng bổ sung (nếu có) và các biện pháp quản lý bảo vệ;
- c) Xác định thời hạn cần tác động;
- d) Dự toán kinh phí cho 01 ha; cho từng lô, từng biện pháp tác động và cho toàn bộ kế hoạch thực hiện trong năm;

Handwritten signature

- e) Lập bản đồ;
g) Các số liệu điều tra, tính toán được thống kê theo mẫu biểu quy định tại phần II mục này;
h) Xây dựng báo cáo thuyết minh.

II. Biểu kèm theo thuyết minh khoanh nuôi tái sinh tự nhiên, KNTS có trồng bổ sung cây lâm nghiệp

Biểu 1: Khảo sát các yếu tố tự nhiên, sản xuất

Tiểu khu:

Khoanh:

Hạng mục	Khảo sát		
	Lô....	Lô....	Lô....
1. Địa hình			
- Độ cao (tuyệt đối, tương đối)			
- Hướng dốc			
- Độ dốc			
2. Đất			
- Đá mẹ			
- Loại đất, đặc điểm của đất.			
- Độ dày tầng đất mặt: m			
- Thành phần cơ giới: nhẹ, trung bình, nặng			
- Tỷ lệ đá lẫn: %			
- Độ nén chặt: toi xốp, chặt, cứng rắn.			
- Đá nổi: %			
- Tình hình xói mòn mặt: yếu, trung bình, mạnh			
3. Thực bì			
- Loại thực bì.			
- Loài cây ưu thế.			
- Chiều cao trung bình (m).			
- Tình hình sinh trưởng (tốt, trung bình, xấu).			
- Độ che phủ.			
- Mật độ tái sinh mục đích có chiều cao > 50 cm (cây/ha)			
- Góc cây mẹ có khả năng tái sinh chồi (góc/ha)			
- Cây mẹ có khả năng gieo giống tại chỗ (cây/ha)			
4. Cơ lý vận chuyển cây con (m) và phương tiện vận chuyển.			
5. Cơ lý đi làm (m) và phương tiện đi lại.			

Biểu 2: Thiết kế biện pháp tác động

Tiểu khu:

Khoanh:

Biện pháp kỹ thuật	Lô thiết kế		
	Lô ...	Lô...	...
I. Mức độ tác động thấp			
II. Mức độ tác động cao			
1. Phát dọn dây leo bụi rậm			
2. Cuốc xới đất theo rạch, theo đám			
3. Tia dặm cây mục đích từ chỗ dày sang chỗ thưa			
4. Tra dặm hạt trồng bổ sung các loài cây mục đích			

Handwritten signature

5. Sửa lại gốc chồi và tia chồi			
6. Phát dọn, vun xới quanh cây mục đích cây trồng BS			
7. Chặt bỏ cây cong queo, sâu bệnh, cây phi mục đích			

Biểu 3: Thiết kế trồng cây bổ sung

Tiểu khu:

Khoảnh:

Biện pháp kỹ thuật	Lô thiết kế		
	Lô ...	Lô ...	
I. Xử lý thực bì:			
1. Phương thức			
2. Phương pháp			
3. Thời gian xử lý			
II. Làm đất:			
1. Phương thức:			
- Cục bộ			
2. Phương pháp (cuốc đất theo hố, kích thước hố, lấp hố...):			
- Thủ công			
3. Thời gian làm đất			
III. Bón lót phân			
1. Loại phân			
2. Liều lượng bón			
3. Thời gian bón			
IV. Trồng cây bổ sung:			
1. Loài cây trồng			
2. Phương thức trồng			
3. Phương pháp trồng			
4. Công thức trồng			
5. Thời vụ trồng			
6. Mật độ trồng:			
- Cự ly hàng (m)			
- Cự ly cây (m)			
7. Tiêu chuẩn cây giống (chiều cao, đường kính cổ rễ, tuổi)			
8. Số lượng cây giống, hạt giống (kể cả trồng dặm)			
V. Chăm sóc, bảo vệ năm đầu:			
1. Lần thứ nhất: (Tháng đến tháng)			
- Nội dung chăm sóc:			
+ ...			
2. Lần thứ 2, thứ 3...: Nội dung chăm sóc như lần thứ nhất hoặc tùy điều kiện chi vận dụng nội dung thích hợp			
3. Bảo vệ:			
.....			

Biểu 4: Thiết kế chăm sóc bảo vệ cây trồng bổ sung năm thứ 2, 3...

Hạng mục	Công thức kỹ thuật		
	I	II	III
I. Đối tượng áp dụng: cây trồng bổ sung năm thứ II, III,			

Handwritten signature

II. Chăm sóc: 1. Lần thứ nhất (tháng đến ... tháng....) a. Trồng dặm. b. Phát thực bì: (toàn diện, theo băng, theo hố, hoặc không cần phát). c. Làm cỏ, xới đất, vun gốc, cày bừa đất v.v... d. Bón phân: (loại phân bón, liều lượng, kỹ thuật bón...) 2. Lần thứ 2, thứ 3,...: nội dung chăm sóc tương tự như lần thứ nhất hoặc tùy điều kiện chỉ vận dụng nội dung thích hợp.			
III. Bảo vệ: 1. Phòng chống lửa: làm mới, tu sửa đường băng cản lửa. 2. Phòng chống người, gia súc phá hoại: ----- -----			

Biểu 5: Chi phí trực tiếp khoan nuôi tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung

Tiểu khu:

Khoanh:

Lô:

Diện tích:

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Định mức	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền	Căn cứ xác định định mức, đơn giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
A	Dự toán lô (B* DT lô)						
B	Dự toán/ha (I+II)						
I	Chi phí trồng cây bổ sung (*)						
1	Chi phí nhân công						
	Xử lý thực bì						
	Lấp hố						
	Đào hố						
	Vận chuyển cây con thủ công						
	Vận chuyển và bón phân						
	Phát đường ranh cản lửa						
	Trồng dặm						
	...						
2	Chi phí máy thi công						
	Đào hố bằng máy						
	Vận chuyển cây con bằng cơ giới						
	Ủi đường ranh cản lửa						
	Chi phí trực tiếp khác						
3	Chi phí vật liệu						
	Cây giống						
	Phân bón						
	Thuốc bảo vệ thực vật						
	...						
II	Chi phí chăm sóc và bảo vệ rừng khoan nuôi tái sinh có						

Handwritten signature

	trồng bổ sung						
1	Năm thứ hai						
	Công chăm sóc, bảo vệ						
	Vật tư						
2	Năm thứ ba						
	Công chăm sóc, bảo vệ						
	Vật tư						
3	Năm thứ ...						
	Công chăm sóc, bảo vệ						
	Vật tư						

(*) Chỉ trong trường hợp KNTS có trồng bổ sung

Biểu 6: Tổng hợp khối lượng thực hiện

STT	Hạng mục	ĐVT (ha/lượt ha)	Khối lượng	Kế hoạch thực hiện			Ghi chú
				Năm...	Năm...	Năm...	

PHỤ LỤC IV
MẪU VĂN BẢN LIÊN QUAN ĐẾN LẬP, THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT, NGHIỆM THU
CÔNG TRÌNH LÂM SINH
(Ban hành kèm theo Thông tư số 23/2016/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 06 năm 2016
của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Mẫu số 01

CHỦ ĐẦU TƯ

Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng.... năm

TỜ TRÌNH

Thẩm định phê duyệt thiết kế, dự toán công trình lâm sinh

Kính gửi:

Các căn cứ pháp lý:

.....
.....
.....

Chủ đầu tư trình thẩm định phê duyệt thiết kế, dự toán công trình lâm sinh với các nội dung chính sau:

- 1. Tên công trình lâm sinh**
- 2. Thuộc dự án:**
- 3. Chủ đầu tư, hình thức đầu tư**
 - Chủ đầu tư:
 - Hình thức đầu tư:
- 4. Địa điểm công trình lâm sinh**
- 5. Mục tiêu của công trình**
- 6. Nội dung và qui mô của công trình**

.....
.....

- 7. Tổng mức đầu tư:**

Trong đó:

- a) Chi phí xây dựng
- b) Chi phí thiết bị
- c) Chi phí quản lý
- d) Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng
- đ) Chi phí khác, gồm
- e) Chi phí dự phòng

.....
.....

- 8. Dự toán kinh phí và tiến độ giải ngân**

STT	Nguồn vốn	Tổng số	Năm 20..	Năm 20..	Năm 20..
	Tổng				

- 9. Thời gian, tiến độ thực hiện:**

Stt	Hạng mục	Đơn vị tính	Năm 20..	Năm 20..	Năm 20..

10. Tổ chức thực hiện
11. Các nội dung khác:

Chủ đầu tư trình... thẩm định phê duyệt thiết kế, dự toán công trình lâm sinh./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

Chủ đầu tư

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)



II. Lĩnh vực trồng trọt.

1. Tên thủ tục: Tiếp nhận Công bố hợp quy giống cây trồng nhóm 2.

Trình tự thực hiện	<p>- Tổ chức, cá nhân: Nộp hồ sơ công bố hợp quy, nhận giấy hẹn và nhận kết quả khi đến hẹn.</p> <p>- <i>Chi cục Bảo vệ thực vật Hà Nội</i>: Bộ phận một cửa kiểm tra sự phù hợp, tiếp nhận và trả kết quả khi tới hẹn.</p>
Cách thức thực hiện	<p>- <i>Tại Chi cục Bảo vệ thực vật Hà Nội</i>; <i>Địa chỉ: Tổ 44, phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy – Hà Nội</i> <i>Hoặc gửi qua đường bưu điện.</i></p> <p>- Tổ chức, cá nhân công bố hợp quy lập 02 bộ hồ sơ công bố hợp quy; 01 bộ hồ sơ lưu tại tổ chức, cá nhân công bố hợp quy; 01 bộ hồ sơ gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Chi cục Bảo vệ thực vật Hà Nội, nơi tổ chức, cá nhân có trụ sở chính đăng ký hoạt động sản xuất, kinh doanh giống cây trồng.</p>
Thành phần hồ sơ	<p>1. Trường hợp công bố hợp quy dựa trên kết quả chứng nhận hợp quy của tổ chức chứng nhận, thành phần hồ sơ gồm:</p> <p>a) Bản công bố hợp quy theo nội dung tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư 46/2015/TT-BNNPTNT;</p> <p>b) Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đầu tư hoặc quyết định thành lập;</p> <p>c) Đối với giống nhập khẩu: Bản sao từ giấy chứng nhận hợp quy gốc của một lô giống đại diện cho một giống theo từng cấp giống do tổ chức chứng nhận được chỉ định cấp;</p> <p>d) Đối với giống sản xuất trong nước: Bản sao từ giấy chứng nhận hợp quy gốc của một giống theo từng cấp giống do tổ chức chứng nhận được chỉ định cấp.</p> <p>2. Trường hợp công bố hợp quy dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất giống cây trồng, thành phần hồ sơ gồm:</p> <p>a) Bản công bố hợp quy theo nội dung tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư 46/2015/TT-BNNPTNT;</p> <p>b) Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đầu tư hoặc quyết định thành lập;</p> <p>c) Bản sao biên bản kiểm định đồng ruộng của một lô ruộng giống đại diện cho một giống theo từng cấp giống;</p> <p>d) Bản sao 01 phiếu kết quả thử nghiệm mẫu từ bản gốc của một lô giống đại diện cho một giống theo từng cấp giống trong vòng 6 tháng tính từ ngày phát hành phiếu kết quả thử nghiệm của phòng thử nghiệm được chỉ định đến thời điểm nộp hồ sơ công bố hợp quy;</p> <p>đ) Trường hợp tổ chức, cá nhân công bố hợp quy chưa được chứng nhận phù hợp ISO 9001, hồ sơ công bố gồm: Quy trình sản xuất giống và kế hoạch kiểm soát chất lượng được xây dựng, áp dụng theo mẫu quy định tại Phụ lục 14 của Thông tư số <u>55/2012/TT-BNNPTNT</u> kế hoạch giám sát hệ thống quản lý;</p> <p>e) Trường hợp tổ chức, cá nhân công bố hợp quy đã được chứng nhận</p>

	<p>phù hợp ISO 9001, hồ sơ công bố hợp quy có bản sao từ giấy chứng nhận phù hợp ISO 9001;</p> <p>g) Báo cáo đánh giá hợp quy của một lô giống đại diện cho một giống theo từng cấp giống trong vòng 6 tháng tính từ ngày phát hành theo nội dung tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư 46/2015/TT-BNNPTNT.</p>
Thời hạn giải quyết hồ sơ	<p>1. Trong thời gian 07 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ công bố hợp quy nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định, Chi cục Bảo vệ thực vật có văn bản trả cho tổ chức, cá nhân về việc tiếp nhận bản công bố hợp quy theo mẫu quy định;</p> <p>2. Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu theo quy định, trong thời gian 5 ngày làm việc Chi cục Bảo vệ thực vật thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân công bố về những điểm, nội dung chưa phù hợp để hoàn thiện và thực hiện việc đăng ký lại.</p>
Đối tượng thực hiện TTHC	Tổ chức, cá nhân
Cơ quan thực hiện TTHC	<p>- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội.</p> <p>- Cơ quan thực hiện TTHC: <i>Chi cục Bảo vệ thực vật Hà Nội.</i></p>
Kết quả của việc thực hiện TTHC	Văn bản.
Phí, lệ phí	Không.
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	<p>- Bản công bố hợp quy (Phụ lục V, Thông tư 46/2015/TT-BNNPTNT)</p> <p>- Quy trình sản xuất giống và kế hoạch kiểm soát chất lượng được xây dựng, áp dụng (Phụ lục 14 của Thông tư 55/2012/TT-BNNPTNT).</p> <p>- Báo cáo đánh giá hợp quy của một lô giống đại diện cho một giống theo từng cấp giống trong vòng 6 tháng tính từ ngày phát hành (Phụ lục IV Thông tư 46/2015/TT-BNNPTNT).</p>
Yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC	Không.
Căn cứ pháp lý	<p>- Pháp lệnh giống cây trồng số 15/2004/Pl-UBTVQH 11 ngày 24/3/2004 của Quốc hội.</p> <p>- Thông tư 46/2015/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy giống cây trồng.</p> <p>- Thông tư 55/2012/TT-BNNPTNT ngày 31/10/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn thủ tục chỉ định tổ chức chứng nhận hợp quy và và công bố hợp quy thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;</p> <p>- <i>Thông tư số 15/2015/TT-BNNPTNT ngày 26/3/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, hướng dẫn nhiệm vụ các Chi cục và các tổ chức sự nghiệp trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</i></p>

Ghi chú: “Phần chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung”

Phụ lục IV

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ HỢP QUY GIỐNG CÂY TRỒNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 46/2015/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN (nếu có)
TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày ... tháng năm

BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ HỢP QUY GIỐNG CÂY TRỒNG

1. Tổ chức, cá nhân báo cáo:.....

Địa chỉ, Điện thoại, Fax, Email, Website

2. Tên giống cây trồng, cấp giống:

3. Số hiệu quy chuẩn kỹ thuật áp dụng:.....

4. Mã lô giống được đánh giá hợp quy:

5. Kết quả đánh giá:

5.1. Kiểm định ruộng giống

- Ngày kiểm định:

- Địa điểm kiểm định:

- Diện tích lô ruộng giống kiểm định:

- Họ và tên người kiểm định:

Điện thoại:

Mã số:

- Đơn vị quản lý người kiểm định:

- Biên bản kiểm định số: ngày tháng năm

- Kết quả kiểm định: Diện tích lô ruộng giống kiểm định đạt yêu cầu theo QCVN:

ha; Sản lượng dự kiến (tạ/tán):

5.2. Thử nghiệm mẫu

- Ngày lấy mẫu :

- Địa điểm lấy mẫu:

- Khối lượng lô giống:

- Họ và tên người lấy mẫu:

Điện thoại:

Mã số:

- Đơn vị quản lý người lấy mẫu:

- Tên phòng thử nghiệm:

- Phiếu kết quả thử nghiệm mẫu giống số: ngày tháng năm

- Kết quả thử nghiệm: Các chỉ tiêu chất lượng đạt yêu cầu theo QCVN:

6. Các nội dung khác (nếu có):.....

7. Kết luận:

Giống ..., cấp giống ... có chất lượng phù hợp quy chuẩn kỹ thuật sốdo Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành (tên) ngày tháng năm.

Người lập báo cáo

(ký và ghi rõ họ tên)

Xác nhận của lãnh đạo tổ chức/cá nhân

(ký tên, chức vụ, đóng dấu)

Phụ lục V
BẢN CÔNG BỐ HỢP QUY
(Ban hành kèm theo Thông tư số 46/2015/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2015
của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN CÔNG BỐ HỢP QUY
Số

Tên tổ chức, cá nhân:
Địa chỉ:
Điện thoại: Fax:
E-mail:

CÔNG BỐ:

Giống cây trồng (loài, tên, cấp giống, đặc tính của giống)

.....
Phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật (số hiệu, ký hiệu, tên gọi)

.....
Thông tin bổ sung (căn cứ công bố hợp quy (kết quả chứng nhận của tổ chức chứng nhận/tự đánh giá), phương thức đánh giá sự phù hợp: phương thức 5/phương thức 7...):

.....
.....(Tên tổ chức, cá nhân) cam kết và chịu trách nhiệm về tính phù hợp của chất lượng (loài, tên, cấp giống) do mình sản xuất, nhập khẩu.

....., ngày ... tháng ... năm

Đại diện Tổ chức, cá nhân
(Ký tên, chức vụ, đóng dấu)

KLB

PHỤ LỤC 14
MẪU KẾ HOẠCH KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG
(Ban hành kèm theo Thông tư số 55 /2012/TT-BNNPTNT ngày 31/ 10/ 2012
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

KẾ HOẠCH KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG

Sản phẩm, hàng hoá, quá trình, dịch vụ, môi trường:.....

Các quá trình sản xuất cụ thể	Kế hoạch kiểm soát chất lượng						
	Các chỉ tiêu kiểm soát	Quy định kỹ thuật	Tần suất lấy mẫu/cỡ mẫu	Thiết bị thử nghiệm/kiểm tra	Phương pháp thử/kiểm tra	Biểu ghi chép	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)

....., ngày..... tháng năm
 Đại diện doanh nghiệp
(ký tên, đóng dấu)

V.B

2. Tên thủ tục: Tiếp nhận Công bố hợp quy phân bón.

Trình tự thực hiện	<ul style="list-style-type: none">- Tổ chức, cá nhân: Nộp hồ sơ công bố hợp quy, nhận giấy hẹn và lấy kết quả khi đến hẹn.- Chi cục Bảo vệ thực vật Hà Nội: Bộ phận một cửa kiểm tra sự phù hợp, tiếp nhận và trả kết quả khi tới hẹn.
Cách thức thực hiện	<ul style="list-style-type: none">- Nộp hồ sơ tại Chi cục Bảo vệ thực vật Hà Nội - Tổ 44, phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy - Hà Nội- Hoặc qua đường Bưu điện
Thành phần Hồ sơ	<ol style="list-style-type: none">Trường hợp công bố hợp quy dựa trên kết quả chứng nhận hợp quy của tổ chức chứng nhận hợp quy:<ul style="list-style-type: none">- Bản công bố hợp quy theo mẫu quy định tại Phụ lục 13 Thông tư số 55/2012/TT-BNNPTNT, ngày 31/10/2012;- Bản sao có chứng thực chứng chỉ chứng nhận sự phù hợp của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, quá trình và môi trường với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng do tổ chức chứng nhận được chỉ định cấp;- Bản mô tả chung về sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, quá trình và môi trường (đặc điểm, tính năng, công dụng);Trường hợp công bố hợp quy dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh phân bón:<ul style="list-style-type: none">- Bản công bố hợp quy theo mẫu quy định tại Phụ lục 13 Thông tư số 55/2012/TT-BNNPTNT, ngày 31/10/2012;- Bản mô tả chung về sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, quá trình và môi trường (đặc điểm, tính năng, công dụng);- Kết quả thử nghiệm, hiệu chuẩn (nếu có) tại phòng thử nghiệm được chỉ định;- Quy trình sản xuất và kế hoạch kiểm soát chất lượng được xây dựng và áp dụng theo mẫu quy định tại Phụ lục 14 hoặc bản sao chứng chỉ phù hợp tiêu chuẩn ISO 9001:2008 trong trường hợp tổ chức, cá nhân công bố hợp quy có hệ thống quản lý chất lượng được chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn ISO 9001:2008;- Kế hoạch giám sát định kỳ;- Báo cáo đánh giá hợp quy gồm những nội dung: Đối tượng được chứng nhận hợp quy (số hiệu, tên), tài liệu kỹ thuật sử dụng làm căn cứ để chứng nhận hợp quy, tên và địa chỉ của tổ chức thực hiện đánh giá hợp quy, phương thức đánh giá hợp quy được sử dụng, mô tả quá trình đánh giá hợp quy (lấy mẫu, đánh giá, thời gian đánh giá) và các lý giải cần thiết (ví dụ: lý do lựa chọn phương pháp/ phương thức lấy mẫu/đánh giá) kết quả đánh giá (bao gồm cả độ lệch và mức chấp nhận), thông tin bổ sung khác. <p>3. Số lượng hồ sơ: 01 bộ</p>
Thời hạn giải quyết	<ol style="list-style-type: none">Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu:<ul style="list-style-type: none">- Đối với hồ sơ gửi qua đường bưu điện: Trong vòng 3 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ, Chi cục Bảo vệ thực vật Hà Nội thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân về những điểm, nội dung chưa phù hợp để hoàn thiện hồ sơ;- Đối với hồ sơ được gửi trực tiếp: Bộ phận một cửa kiểm tra, hướng dẫn

	tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ. 2. Trường hợp hồ sơ hợp lệ: Thời gian 07 ngày làm việc, Chi cục Bảo vệ thực vật Hà Nội thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân việc tiếp nhận công bố hợp quy.
Đối tượng thực hiện TTHC	+ Tổ chức; + Cá nhân.
Cơ quan thực hiện TTHC	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội; - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: <i>Chi cục Bảo vệ thực vật Hà Nội</i> ;
Kết quả thực hiện TTHC	Thông báo tiếp nhận bản công bố hợp quy
Lệ phí	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai	- Bản công bố hợp quy phân bón (Phụ lục 13); - Kế hoạch kiểm soát chất lượng (Phụ lục 14); (<i>Phụ lục 13, Phụ lục 14 Thông tư số 55/2012/TT-BNNPTNT</i>).
Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	Không
Căn cứ pháp lý của TTHC	- Nghị định số: 108/2017/NĐ-CP ngày 20/9/2017 của Chính phủ về quản lý phân bón. - Thông tư số 55/2012/TT-BNNPTNT, ngày 31/10/2012 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn về Hướng dẫn thủ tục chỉ định tổ chức chứng nhận hợp quy và công bố hợp quy thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn .

Ghi chú: “Phần chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung”

Vals

Phụ lục 13
(Ban hành kèm theo Thông tư số 55/2012/TT-BNNPTNT ngày 31/10/2012
của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

MẪU BẢN CÔNG BỐ HỢP QUY

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN CÔNG BỐ HỢP QUY
Số

Tên tổ chức, cá nhân:.....
Địa chỉ:.....
Điện thoại:..... Fax:.....
E-mail:.....

CÔNG BỐ :

Sản phẩm, hàng hoá, quá trình, dịch vụ, môi trường (*tên gọi, kiểu, loại, nhãn hiệu, đặc trưng kỹ thuật, ...*)

Phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật (*số hiệu, ký hiệu, tên gọi*)

Thông tin bổ sung (*căn cứ công bố hợp quy, phương thức đánh giá hợp quy...*):

....., ngày.....tháng.....năm.....

Đại diện Tổ chức, cá nhân
(*Ký tên, chức vụ, đóng dấu*)



Phụ lục 14

(Ban hành kèm theo Thông tư số 55 /2012/TT-BNNPTNT ngày 31/10/ 2012
của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

MẪU KẾ HOẠCH KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG

KẾ HOẠCH KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG

Sản phẩm, hàng hoá, quá trình, dịch vụ, môi trường:.....

Các quá trình sản xuất cụ thể	Kế hoạch kiểm soát chất lượng						
	Các chỉ tiêu kiểm soát	Quy định kỹ thuật	Tần suất lấy mẫu/cỡ mẫu	Thiết bị thử nghiệm/kiểm tra	Phương pháp thử/kiểm tra	Biểu ghi chép	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)

....., ngày..... tháng năm

Đại diện doanh nghiệp
(ký tên, đóng dấu)

Vah